**Tuần 6:**

Tiết 21: **ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN BIỂU CẢM**

Khuyến khích HS tự đọc ***Bài ca Côn Sơn***

**I. Tìm hiểu đặc điểm của văn biểu cảm**

**1. Ví dụ:**

a. Bài tập 1: Văn bản: *Tấm gương*

- Ca ngợi đức tính trung thực của con người ghét thói xu nịnh, dối trá (qua từ ngữ, giọng điệu ngợi ca và lời phê phán)

- Tác giả mượn hình ảnh tấm gương làm điểm tựa, vì tấm gương luôn phải chiếu trung thành mọi vật xung quanh ⇒ ca ngợi gương là gián tiếp ca ngợi người trung thực.

\* Bố cục bài văn gồm 3 phần:

+ Mở bài: Nêu lên phẩm chất của tấm gương.

+ Thân bài: Nói về các đức tính của tấm gương.

+ Kết bài: Khẳng định lại chủ đề đã nêu.

-> Mở bài nêu chủ đề. Kết bài khẳng định lại chủ đề.

⇒ Tất cả các ý đều làm nổi bật nội dung của bài văn đó là: biểu dương tính trung thực

→ Mạc Đĩnh Chi → đáng trọng

→ Trương Chi → đáng thương  -> gương không nói sai sự thật

- Tình cảm và sự đánh giá của tác giả rõ ràng, chân thực,  không thể bác bỏ.

- Hình ảnh tấm gương có sức khêu gợi, tạo giá trị biểu cảm cho bài văn.

**b. Bài tập 2:**

- Đoạn văn biểu hiện tình cảm cô đơn, cầu mong một sự đồng cảm và giúp đỡ

- Tình cảm của nhân vật được biểu hiện một cách trực tiếp: Tiếng kêu, gọi, lời than, câu hỏi biểu cảm.

**2. Ghi nhớ:** SGK / T 86

**II. Luyện tập**

**Văn bản :Hoa học trò**

a1: Bài văn nhắm mục đích bày tỏ nỗi buồn, nhớ khi phải xa trường, xa bạn lúc nghỉ hè.

a2: Tác giả không tả hoa phượng như một loài hoa nở vào mùa hè mà chỉ mượn hoa phượng để nói lên những cuộc chia li (buồn, đẫm lệ)

a3: Đoạn văn thể hiện một trạng thái tình cảm hụt hẫng, bâng khuâng khi phải xa trường, xa bạn

a4: Hoa phượng thể hiện  khát vọng sống hoà nhập với bạn bè, thoát khỏi sự cô đơn.

b. Mạch ý của đoạn  văn:

Phượng nở ……phượng rơi…….

- Phượng nhớ - Người sắp xa …, một trưa hè…

Một thành xưa

- Phượng khóc …, mơ…., nhớ

c) Bố cục của văn bản biểu cảm, thường được tổ chức theo mạch tình cảm, suy nghĩ.

**HS tự đọc văn bản : BÀI CA CÔN SƠN**

***(Côn sơn ca- trích)***

**I. Đọc- Tìm hiểu chú thích**

**1. Tác giả**

- Nguyễn Trãi, hiệu là Ức Trai, ([1380](http://vi.wikipedia.org/wiki/1380)–19/9/[1442](http://vi.wikipedia.org/wiki/1442)), quê ở làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc nay là huyện Thường Tín, [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i).

- Ông là con trai của ông [Nguyễn Phi Khanh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Phi_Khanh) và bà Trần Thị Thái, là cháu ngoại của [Trần Nguyên Đán](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Nguy%C3%AAn_%C4%90%C3%A1n).

- Nguyễn Trãi từng làm quan dưới [triều Hồ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BB%81u_H%E1%BB%93).

- Sau khi Việt Nam bị rơi vào [sự cai trị của nhà Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c_l%E1%BA%A7n_4), Nguyễn Trãi tham gia vào cuộc [khởi nghĩa Lam Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%9Fi_ngh%C4%A9a_Lam_S%C6%A1n) do [Lê Lợi](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_L%E1%BB%A3i) lãnh đạo. Ông giúp nghĩa quân Lam Sơn trong việc bày tính mưu kế cũng như soạn thảo các văn thư ngoại giao với quân Minh.

- Tuy nhiên, năm 1442, toàn thể gia đình Nguyễn Trãi bị [tru di tam tộc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tru_di_tam_t%E1%BB%99c) trong [vụ án Lệ Chi Viên](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%A5_%C3%A1n_L%E1%BB%87_Chi_Vi%C3%AAn). Năm [1464](http://vi.wikipedia.org/wiki/1464), vua [Lê Thánh Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng) xuống chiếu giải oan cho ông.

- Nguyễn Trãi có nhiều đóng góp to lớn vào sự phát triển của văn học và tư tưởng Việt Nam. Ông được UNESCO *công nhận là danh nhân văn hóa thế giới*

**2. Tác phẩm**

- Hoàn cảnh sáng tác: Viết vào những năm cuối đời, lúc ông cáo quan về quêở ẩn ở Côn Sơn.

- Bài thơ được viết nguyên văn bằng chữ Hán, dịch thơ theo thể lục bát ( 6 - 8 ).

- Bố cục: 2 phần

+ Cảnh thiên nhiên ở Côn Sơn

+ Cuộc sống và tâm hồn Nguyễn Trãi giữa cảnh vật Côn Sơn.

**II. Đoc-Tìm hiểu văn bả**n.

***1. Nội dung***

***a. Cảnh thiên nhiên Côn Sơn***

*+ Suối rì rầm*

*+ Đá rêu phơi*

*+ Thông mọc như nêm*

*+ Trúc bóng râm*

-> Cảnh thiên nhiên Côn Sơn mát mẻ, trong lành**,** khoáng đạt, thanh tĩnh

***b. Cuộc sống và tâm hồn Nguyễn Trãi giữa cảnh vật Côn Sơn***

- Ta nghe

- Ta ngồi

- Ta lên ta nằm

- Ta ngâm

-> Tác giả yêu thiên nhiên, giao hoà trọn vẹn với thiên nhiên

***=>Tâm hồn thanh cao***

**2.Củng cố, vận dụng:**

**-** Đặc điểm của văn biểu cảm?

 - Cách biểu hiện tính chất trong văn biểu cảm.

**3. Hướng dẫn về nhà:**

-  Học thuộc lòng nội dung  ghi nhớ,

-  So sánh đặc điểm văn biểu cảm với văn bản tự sự, miêu tả.

        -  Soạn bài : Đề văn biểu cảm và cách làm bài văn biểu cảm .

Tiết 22,23

**ĐỀ VĂN BIỂU CẢM**

**VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN BIỂU CẢM**

**I. Đề văn biểu cảm và các bước làm bài văn biểu cảm:**

**1. Đề văn  biẻu cảm.**

- Đối tượng  biểu cảm: Dòng sông (dãy núi, cánh đồng, vườn cây..) quê hương.

- Tình cảm biểu hiện: Yêu thương, gắn bó, tự hào về quê hương.

**b. Đề b**:

- Đối tượng biểu cảm: Đêm trăng trung thu

- Tình cảm cần thể hiện: Yêu thích, vui vẻ, hạnh phúc, gắn bó, yêu quê hương đất nước.

**c. Đề c:**

- Đối tượng biểu cảm: Nụ cười của mẹ

- Tình cảm thể hiện: Yêu quý, kính trọng, biết ơn.

**d. Đề d:**

- Đối tượng  biểu cảm:  Vui buồn tuổi thơ

**a. Đề a:**

- Tình cảm: Yêu quý, tôn trọng, giữ gìn tuổi thơ đẹp.

**e. Đề e:**

- Đối tượng biểu cảm: 1 loài cây

+ Cây tùng: cứng cỏi,

+ Cây liễu: mềm mại,

+ Cây phượng → gắn với tuổi học trò

+ Cây hoa đào: mùa xuân miền Bắc.

Tình cảm:Yêu quý, gắn bó với loại cây đó.

**2. Các bước làm văn biểu cảm**:

**Đề bài:** Cảm nghĩ của em về nụ cười của mẹ

**a. Tìm hiểu đề** :

Đối tượng biểu cảm: Nụ cười của mẹ

**b. Tìm ý** (có thể)

+ Nụ cười của mẹ ai cũng nhìn thấy, nó vô cùng quý giá và quan trọng đối với cuộc đời em.

+ Đó là nụ cười yêu thương, khích lệ mỗi khi em tiến bộ.

+ Đó lá nụ cười làm cho em thấy thoải mái, sảng khoái.

+ Nụ cười an ủi, động viên những lúc em gặp khó khăn hay một sai lầm nhỏ.

+ Không phải lúc nào  mẹ cũng nở nụ cười, như những khi gia đình gặp chuỵên không vui,  khi em không nghe lời mẹ…

+ Khi thiếu nụ cười của mẹ em cảm thấy như thế nào?

+ Em sẽ cố gắng chăm ngoan, học giỏi…để thấy được nụ cười của mẹ luôn nở trên môi

**b. Lập dàn ý:**

- Mở bài: Cảm xúc đối với nụ cười của mẹ

- Thân bài: Nêu các biểu hiện sắc thái của mẹ.

+ Nụ cười vui, yêu thương

+ Nụ cười khuyến khích, động viên

+ Nụ cười an ủi, động viên

+ Những khi vắng nụ cười của mẹ (…)

- Kết bài: Lòng yêu thương, kính trọng và biết ơn mẹ.

c. **Viết bài**

d. **Kiểm tra, sửa chữa**:

\* **Kết luận** : Ghi nhớ SGK – T 88

**II. Luyện tập**

a) Bài viết thổ lộ tình cảm yêu mến, gắn bó sâu nặng với quê hương An Giang.

- Có thể đặt nhan đề: “An Giang quê hương tôi”; “Ký ức một miền quê”, quê hương: tình sâu, nghĩa nặng.

b. Dàn ý:

- Mở bài: Giới thiệu tình yêu quê hương An Giang

Thân bài: Biểu hiện tình yêu mến quê hương:

+ Tình yêu quê từ tuổi thơ

+ Tình yêu quê hương  trong chiến đấu và những tấm gương yêu nước.

- Kết bài: Tình yêu quê hương đất nước với nhận thức của con người từng trải, trưởng thành.

**+Củng cố - vận dụng-** :

Một đề văn biểu cảm  cho ta biết những gì?

Các bước làm 1 bài văn biểu cảm?

**+ Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài, học thuộc lòng phần ghi nhớ SGK

- Tìm một số đề bài và một số bài văn về văn biểu cảm

- Soạn bài: Bánh trôi nước

+ Vài nét về nhà thơ Hồ Xuân Hương

+ Tìm hiểu nghĩa đen, nghĩa bóng của bài thơ “Bánh trôi nước”

**Tiết 24**

**BÁNH TRÔI NƯỚC**

**(Hồ Xuân Hương )**

Khuyến khích HS tự học **SAU PHÚT CHIA LI**

**Bài :Bánh trôi nước**

**I. Đọc và tìm hiểu chú thích**

**1.Tác giả**:

- Hồ Xuân Hương  (lai lịch chưa thật rõ)

- Được mệnh danh: Bà Chúa Thơ Nôm

**2. Tác phẩm**

- Phương thức biểu đạt:Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt

**II. Đọc – hiểu văn bản:**

1**. Hình ảnh bánh trôi nước**

**\* Hình thức:** Bánh có màu trắng của bột ,hình tròn.

\* **Cách làm bánh trôi:**

 - Cách nặn bánh (rắn, nát)

- Cách luộc bánh (bảy nổi ba chìm)

- Nhân bánh (màu đỏ)

**-> Chi tiết chọn lọc, hình ảnh cái bánh trôi hiện lên khá cụ thể như ở ngoài đời.**

**2.  Hình ảnh người phụ nữ:**

\* Câu 1: Thân em vừa trắng lại vừa tròn

- Mô típ: “Thân em”:

->  Phẩm chất, thân phận người phụ nữ.

- Hình thức:

*Vừa trắng lại vừa tròn*

**-> Điệp từ**

**=> Xinh đẹp, thân hình đầy đặn, trắng trẻo, căng tràn nhựa sống.**

Câu 2: Bảy nổi ba chìm với nước non.

+ Thân phận: *Bảy nổi ba chìm*

***->* Thành ngữ được đảo ngược**

**=>Chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời, bị xã hội định đoạt số phận.**

\* Câu 3: Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn,

- “Mặc dầu”(giữa câu) như sự gắng gượng vươn lên để khẳng định mình.

**-> Giọng điệu: thách thức**

**=> Sẵn sàng chờ đợi điều không may xảy ra.**

\* Câu 4: Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

**-> Giọng quả quyết, tự tin**

**= > Khẳng định phẩm chất trong trắng, lòng sắc son, chung thuỷ, tình nghĩa của người phụ nữ**

**III. Tổng kết**: Ghi nhớ SGK

**Bài :**Tự học văn bản Sau phút chia li

**I/Tác giả ,tác phẩm**

**1.Tác giả**

Đặng Trần Côn nữa đầu thế kỉ 18

**2.Dịch giả:**

Đoàn Thị Điểm ( 1705-1748)

**II/Tìm hiểu văn bản**

**1.Khổ 1**

“Chàng thì đi …

Thiếp thì về ….”

->Tương phản ,đối nghĩa

->Nỗi sầu dằng dặc miên man.

**2.Khổ 2**

+ Hàm Dương …Chàng còn ngảnh lại

+ Tiêu Tương …Thiếp hãy trông sang

+ Bến…mấy trùng

* Tương phản ,điệp ngữ
* Nỗi sầu cách xa nghìn trùng

**3.Khổ 3**

Cùng trông…ai sầu hơn ai?

* Đối nghĩa ,điệp ngữ
* Nỗi sầu ,sự xa cách thăm thẳm

**III/Ghi nhớ** :SGK/93

  +**Củng cố, luyện tập**

- Cảm nghĩ của em sau khi học xong bản thơ “Bánh trôi nước”

- Đọc một số bài thơ khác của Hồ Xuân Hương?

**+ Hướng dẫn về nhà:**

-  Học thuộc lòng haibài thơ Bánh trôi nước,  ghi nhớ

- Chuẩn bị bài: Quan hệ từ.

**HƯỚNG DẪN HOC SINH TỰ HỌC TUẦN 6 TOÁN7**

**TIẾT 21 , 22 §9.** **SỐ THẬP PHÂN HỮU HẠN. SỐ THẬP PHÂN VÔ HẠN TUẦN HOÀN**

1. **Số thập phân hữu hạn. Số thập phân vô hạn tuần hoàn**

Số hữu tỉ là số có thể viết dưới dạng phân số  với a, b ∈ Z ; b ≠ 0

Ví dụ 1 : ; 

Ví dụ 2: 

Số 0,416666… là số thập phân vô hạn tuần hoàn viết gọn 0,41(6). Số 6 là chu kì của số thập phân.

**2. Nhận xét**

(sgk/33)

Ví dụ: ; 

?1 Viết dưới dạng số thập phân.

 ;  ;

 ;  ;  ; 

\* Kết luận: sgk

**LUYỆN TẬP**

**Bài 65/34sgk:**



**Bài 66/34sgk:**



**Bài 67/34sgk**:

A =  ; B = ; C = ; D = 

**\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Học điều kiện để phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.

- BTVN 68, 69, 70, 71 tr 34, 35 sgk

TIẾT 23,24 §7. ĐỊNH LÝ

**1. Định lí**

**a/ *Khái niệm*** : sgk/99

**?1** - Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau

- Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia

- Hai đường thẳng phân biệt cùng song song vứi một đường thẳng thứ ba thi chúng song song với nhau.

**b. *Cấu trúc***: Mỗi định lí gồm 2 phần

GT: Phần giữa từ “nếu” và từ “thì”

KL: Phần sau từ “thì”

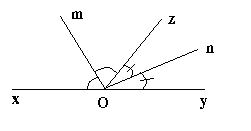
**?2** a/G T: Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba

KL: chúng song song với nhau

b/GT:d // d’và d’ // d”

KL:d//d’//d”

**2. Chứng minh định lí:**



Ví dụ: sgk

Tiến trình chứng minh 1 định lí:

- Vẽ hình

- Ghi GT, KL

Suy luận từ GT -> KL

**LUYỆN TẬP CŨNG CỐ**

**Bài 49**/101sgk

a/ GT: 1 đường thẳng cắt hai đường thẳng có một cặp góc soletrong bằng nhau

KL: hai đường thẳng đó song song

b/ GT: 1 đường thẳng cắt 2 đt song song

KL: hai góc so le trong bằng nhau

**Bài 50/101sgk**:

a) …… chúng song song với nhau.

b)

|  |  |
| --- | --- |
| GT | a ⊥ c  b ⊥ c |
| KL | a // b |

**HOẠT ĐỘNG** **VẬN DỤNG.** Tập phát biểu các tính chất đã học dưới dạng định lí

* Làm các bài tập: 51, 52, 53/101, 102 sgk.
* **HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

TIẾT 24 LUYỆN TẬP

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài 51/101 sgk  a) Nếu một đường thẳng vuông góc với  một trong hai đường thẳng song song thì  nó cũng vuông góc với đường thẳng kia  b)   |  |  | | --- | --- | | GT | a // b  c ⊥ a | | KL | c ⊥ b | |

**LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**1) Bài tập 52/101 sgk**

****

|  |  |
| --- | --- |
| GT | Ô1  và Ô3 đối đỉnh |
| KL | Ô1 = Ô3 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các khẳng định | | Căn cứ của kđ |
| 1 | Ô1 + Ô2 = 1800 | ***Vì hai góc kề bù*** |
| 2 | Ô3 + Ô2 = ***1800*** | ***Vì hai góc kề bù*** |
| 3 | Ô1 + Ô2 = Ô3 + Ô2 | Căn cứ vào **1 và 2** |
| 4 | Ô1 = Ô3 | Căn cứ vào **3** |

Tương tự c/m Ô2 = Ô4

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GT | | Ô2  và Ô4 đối đỉnh |
| KL | | Ô2 = Ô4 |
|  | | |
| Các khẳng định | | | | Căn cứ của kđ |
| 1 | Ô3 + Ô4 = 1800 | | | ***Vì hai góc kề bù*** |
| 2 | Ô3 + Ô2 = ***1800*** | | | ***Vì hai góc kề bù*** |
| 3 | Ô3 + Ô2 = Ô3 + Ô4 | | | Căn cứ vào **1 và 2** |
| 4 | Ô2 = Ô4 | | | Căn cứ vào **3** |

**BT 53/102** sgk

a) Vẽ

|  |  |
| --- | --- |
| b)  GT | xx’ x yy’ =  = 90o |
| KL |  |

c. Điền vào chỗ trống : SGK

d. Trình bày gọn hơn:

ta có + = 180o (Kề bù)

= 90o => = 90o

=  (đối đỉnh)

= = 90o (đối đỉnh)

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Xem lại các bài tập đã giải .

- Soạn và học các câu hỏi ôn tập chương I .

**TRƯỜNG THCS PHƯỚC HIỆP**

**Họ và tên học sinh:………………………………………………………….**

**Lớp:…………………**

**PHIẾU PHẢN HỒI THÔNG TIN**

**HỌC SINH GẶP KHÓ KHĂN TRONG VIỆC TỰ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
|  |  |  |

**HỌC SINH**

*(Ký tên, ghi rõ Họ và Tên)*

Tin học 7: Tuần 6

|  |  |
| --- | --- |
| ***Bài 3:*** | **THỰC HIỆN TÍNH TOÁN TRÊN TRANG TÍNH** |

|  |
| --- |
| **1. Sử dụng công thức để tính toán :**  Các kí hiệu được sử dụng để kí hiệu các phép toán trong công thức:    - Công thức dùng ở bảng tính phải có dấu bằng phía trước. |
| **2. Nhập công thức** :  - Muốn nhập công thức vào ô tính ta thực hiện các bước sau:  + Chọn ô cần nhập công thức :  + Gõ dấu = ;  + Nhập công thức ;  + Nhấn **Enter**.  \* Muốn chỉnh sửa hoặc thay đổi công thức ta thực hiện các bước sau :  + Chọn ô tính chứa công thức và nháy chuột vào công thức hiển thị trên thanh công thức rồi thực hiện chỉnh sửa.  + Có thể chọn ô tính và nhấn phím F2 (hoặc nháy đúp chuột vào ô tính) rồi chỉnh sửa công thức ngay tại ô tính.  + Nhấn Enter .  Khi nhập công thức vào ô tính thì nội dung công thức cũng được hiển thị tại thanh công thức. Sau khi nhập xong, nhấn Enter thì tại ô tính sẽ hiển thị kết quả tính toán theo công thức. Nếu chọn ô chứa công thức thì nội dung công thức sẽ hiển thị ở thanh công thức. |
| **3. Sử dụng địa chỉ trong công thức** :  - Ta có thể tính toán với dữ liệu có trong các ô thông qua địa chỉ các ô, khối, cột hoặc hàng.  - Như vậy các phép tính mà không dùng đến địa chỉ thì mỗi lần tính toán ta phải gõ lại công thức và ngược lại nếu sử dụng công thức có địa chỉ khi ta thay đổi giá trị kết quả tự động thay đổi theo. |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tiếng anh lớp 7**  **Tiết 16: UNIT 3 : AT HOME**  **Lesson 4 : B . Hoa’s family (B3, B4)** | |
| Look at picture B3 in the book: Read the half sentences then match  (Đọc và nối thành câu hoàn chỉnh) | **1. New words**  high school (n) trường cấp 3  magazine (n) tạp chí  \* **Grammar:**  **He is + nghề nghiệp.**  **He is + tuổi.**  **He works + nơi làm việc.**  \* Ex: He is a teacher.  He is 21  He works in a hospital |
| B4 Listen and complete the fomrs  (nghe và điền vào các mẫu) | **2. Practice:**  **B3 Match:**  **Key:**  + A farmer works 🠒 on a farm.  + A doctor 🠒 takes care of sick people  + A journalist 🠒 writes for a newspaper  + A teacher 🠒teaches in a school  **B4 Complete the forms**  **Answers**  **Form 1 :**  Name : Tom  Age : 26  Job : teacher  Place of work : at a high scool  **Form 2 :**  Name : Susan  Age : 19  Job : journalist  Place of work : for a magazine  **Form 3 :**  Name : Bill  Age : 20  Job : nurse  Place of work : in a hospital |
| Chuẩn bị bài tiếp theo | **3. Homework**  - Learn the new words and the text by heart  - Write 3 passages to talk about the 3 people about name, age, job and place of work |
| **Tiết 17 UNIT 3 : AT HOME**  **Hướng dẫn phần tự học (A3,4; B5,6)** | |
| A3 Practice with partner use “there is/ there are” | **Áp dụng mẫu câu “there is/there are” để hỏi và trả lời theo mẫu** |
| B5 John Robinson is an English teacher from the USA. He is looking for an apartment in Ha Noi for his family. His asking his friend, Nhat, for advice  (John là giáo viên tiếng anh đến từ Mỹ. Ông ấy đang tìm mua 1 căn hộ ở Hà Nội cho gia đình. Ông ấy đang hỏi ông Nhật – bạn của John – 1 vài tư vấn)  How many rooms does Mr John want? (ông ấy cần mấy phòng)  What are they? (những phòng nào)  Ôn lại câu so sánh hơn và so sánh nhất của tính từ ngắn/dài | **1.New words**  apartment (n)  empty (a)  better  furnished ( a)  suitable (a)  the best  modern (a)  \* **Grammar:**  **S + be + more+ long adj + than + O...** ( more expensive)  **S + be + the most + long adj + N...** ( the best,  the most suitable, the newest, the cheapest...)  **\* Eg**: It’s more expensive  It’s the most expensive  (It’s the newest of the three)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Adjective | Comparative | Superlative | | Good | better | the best | | cheap | cheaper | the cheapest | | expensive | more expensive | the most expensive | | suitable | more suitable | the most suitable | | New | newer | the newest | |
| 3. Home work | - Learn the new words and the grammar by heart.  - Write 5 sentences using the comparatives and superlatives with short and long adjectives  - Prepare for the next lesson : Language focus 1 |
|  |  |
| **Tiết 18 LANGUAGE FOCUS 1** | |
| 1. Số thứ tự  2. Giới từ- vị trí  3. So sánh hơn/nhất của tính từ  4. Nghề nghiệp  5. Câu hỏi  6. Đối chiếu hiện tại đơn và tờng lai đơn  7. Từ để hỏi | **1.Ordinal numbers(exercise 3)**  **2. Prepositions(exercise 4)**  a. It’s under the table  b. It’s in front of the chair  c. It’s behind the television  d. It’s next to the bookshelf  e. It’s on the couch  **3**.**Adjectives (exercise 5)**  a). A is cheap and B is cheaper. But C is the cheapest  b) A is expensive and B is more expensive. But C is the most expensive.  c) A is good and B is better. But C is the best  d) A is strong and B is stronger. But C is the strongest.  **4**. **Occupations (exercise 6)**  b) She is a doctor  c) She is a teacher  d) He is a farmer  **5. Question words (exercise 7)**   1. Are/ any / Yes / are 2. Are/ any / No / aren’t 3. Is / a / No / isn’t. 4. Are/ any / Yes / are.   **6.Contrast: Present simple tense and future simple tense (exercise 1+ 2)**  Ex1: Complete the sentences , using the simple present form of the verbs.   1. is / lives / are / goes 2. are / eats / rides / catch.   Ex2: Future simple tense.  He will do his homework, but he won’t tidy the yard.  He will see a movie, but he won’t watch TV  He will write to his grandmother, but he won’t meet Minh.  **7.Question-words( exercise 8):** do at home   |  |  |  | | --- | --- | --- | | go to the post office | watch TV | see a movie | | do his home work | meet Minh | tidy the yard | | call Ba | write to his grandmother | go fishing | |
| Chuẩn bị bài tiếp theo | **5. Homework**  Review from unit 1 to unit 3  - Do exercises again in the book |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN: LỊCH SỬ 7**

**TUẦN 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 11,12**  **BÀI 9: NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH – TIỀN LÊ** |  |
| **I. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ – QUÂN SỰ**  **1) Nhà Đinh xây dựng đất nước**  Hs đọc sgk trang 28 và trả lời các câu hỏi sau  *Hỏi:* Sau khi thống nhất đất nước nước, Đinh Bộ Lĩnh đã làm gì ?  *Hỏi:* tại sao Đinh Tiên Hoàng lại đóng đô ở Hoa Lư ?  *Hỏi:*  Việc nhà Đinh không dùng niên hiệu của phong kiến TQ để đặt tên nước nói lên điều gì ?  *Hỏi:*  Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa như thế nào?  *Hỏi:*  Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh có ý nghĩa như thế nào ?  Hs đọc sách giáo khoa trang 29, 30 và trả lời các câu hỏi sau:  *Hỏi:*  Nhà Tiền Lê được thành lập trong hoàn cảnh nào ?  *Hỏi:*  Vì sao Lê Hoàn lại được suy tôn làm vua ?  *Hỏi:* Việc Thái Hậu Dương Vân Nga trao aó bào cho Lê Hoàn nói lên điều gì ?  H: Chính quyền nhà Lê được tổ chức như thế nào ?  H: Trung ương ?  H: Địa phương ?    *Hỏi:* Quân đội thời Tiền Lê được tổ chức như thế nào ?  3) Cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn  Hs đọc sách giáo khoa trang 30,31 và trả lời csc câu hỏi sau  H: Quân Tống xâm lược nước ta trong hoàn cảnh nào ?  LƯỢC ĐỒ CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG TỐNG 981  H: tường thuật diễn biến cuộc kháng chiến theo lược đồ.  *Hỏi:* Ý nghĩa của cuộc kháng chiến chống Tống là gì ? | **I. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ – QUÂN SỰ**  **1) Nhà Đinh xây dựng đất nước**  - 968: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua  - Đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư  - Phong Vương cho con  - Cắt cử quan lại  - Dựng cung điện, đúc tiền, xử phạt nghiêm với kẻ tội phạm  **2) Tổ chức chính quyền thời Tiền Lê**  \* Sự thành lập của nhà Lê  - 979: Đinh Tiên Hoàng bị giết -> Nội bộ lục đục  - Nhà Tống lăm le xâm lược -> Lê Hoàn được suy tôn lên làm vua  \* Tổ chức chính quyền Trung ương    \* Địa phương    \* Quân đội  - Cấm quân  - Quân địa phương  3) Cuộc kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn  a) Hoàn cảnh lịch sử:  - Cuối năm 979 nhà Đinh rối lọan -> quân Tống xâm lược  b) Diễn biến  \* Địch:  - Tiến theo 2 đường thủy và bộ do Hầu Nhân Bảo chỉ huy  \* Ta  - Chặn quân thủy ở sông Bạch Đằng  - Diệt cánh quân bộ ở biên giới phía Bắc thắng lợi  c) Ý nghĩa:  - Khẳng định quyền làm chủ đất nước  - Đánh bại âm mưu xâm lược của kẻ thù, củng cố nền độc lập |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***  ***\*Trắc nghiệm***  **Câu 1:** Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi đặt tên nước là gì?  **A.** Đại Việt  **B.** Đại Cồ Việt  **C.** Đại Nam.  **D.** Đại Ngu  **Câu 2:** Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống năm 981?  **A.** Đinh Toàn.  **B.** Thái hậu Dương Vân Nga.  **C.** Lê Hoàn.  **D.** Đinh Liễn.  **Câu 3:** Lê Hoàn lên ngôi vua trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?  **A.** Nội bộ triều đình mâu thuẫn sau khi Đinh Tiên Hoàng mất.  **B.** Đinh Tiên Hoàng mất, vua kế vị còn nhỏ, nhà Tống chuẩn bị xâm lược nước ta.  **C.** Thế lực Lê Hoàn mạnh, ép vua Đinh Nhường ngôi.  **D.** Đinh Tiên Hoàng mất, quan lại trong triều đình ủng hộ Lê Hoàn lên ngôi.  **Câu 4:** Triều đình trung ương thời Tiền Lê được tổ chức như thế nào?  **A.** Vua đứng đầu, giúp vua có quan văn, võ.  **B.** Vua nắm chính quyền và chỉ huy quân đội.  **C.** Vua đứng đầu, nắm toàn quyền, giúp việc vua có các con vua.  **D.** Vua đứng đầu, nắm toàn quyền, giúp việc vua có Thái sư và Đại sư.  **Câu 5:** Trận đánh lớn nhất trong cuộ kháng chiếng chống Tống của nhà Lê là:  **A.** Trận Chi Lăng.  **B.** Trận Đồ Lỗ  **C.** Trận Bạch Đằng  **D.** Trận Lục Đầu.  **ĐÁP ÁN**  **1-b**  **2-c**  **3-b**  **4-d**  **5-c**  **\* Tự luận**  1. Nhà Đinh đã làm gì để xây dựng đất nước  2. Mô tả bộ máy chính quyền trung ương và địa phương thời Tiền Lê |  |

CHƯƠNG III: **CÁC NGÀNH GIUN**

**Tiết 11 - Bài 11**

**NGÀNH GIUN DẸP: SÁN LÁ GAN**

**I. NƠI SỐNG:**

- Kí sinh ở gan, mật trâu, bò và người.

II. CẤU TẠO:

- Cơ thể dẹp, đối xứng 2 bên. Mắt, lông bơi tiêu giảm, giác bám, cơ quan tiêu hóa, cơ quan sinh dục phát triển.

III. DI CHUYỂN:

- Chun giãn cơ thể để chui rúc

IV. DINH DƯỠNG:

- Lấy chất dinh dưỡng từ vật chủ. ruột phân nhánh, chưa có hậu môn.

V. SINH SẢN – PHÁT TRIỂN: \*

* Trứng gặp nước nở thành ấu trùng có lông bơi.
* Ấu trùng chui vào kí sinh trong ốc ruộng sinh sản cho nhiều ấu trùng có đuôi.
* Ấu trùng có đuôi rời khỏi ốc bám vào cây cỏ, bèo và cây thủy sinh, rụng đuôi kết vỏ cứng thành kén.
* Trâu, bò ăn phải cây cỏ có kén sán sẽ bị nhiễm bệnh sán lá gan.

**DẶN DÒ**

- Học bài phần V, trả lời câu hỏi SGK.

- Đọc mục “Em có biết”.

- Tìm hiểu các bệnh do giun sán gây nên cho người và động vật

**Tiết 12 - Bài 12**

**MỘT SỐ GIUN DẸP KHÁC - VAI TRÒ**

**CỦA NGÀNH GIUN DẸP**

1. **MỘT SỐ GIUN DẸP KHÁC:**

**1. Sán lá máu:** kí sinh trong máu người.

**2. Sán bã trầu:** Kí sinh ở ruột lợn

**3**. **Sán dây:** Kí sinh trong ruột người và cơ bắp

trâu bò.

**II. TÁC HẠI VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH:**

**1. Tác hại:**

- Giun sán thường kí sinh ở các bộ phận có nhiều chất dinh dưỡng như ruột non, tá tràng, máu, gan, mật …

- Hút chất dinh dưỡng từ cơ thể vật chủ, làm vật chủ gầy, yếu…

**2. Biện pháp phòng tránh:**

- Giữ gìn vệ sinh.

- Ăn chín, uống sôi, không ăn thịt nhiễm sán.

- Tắm rửa nước sạch, không đi chân đất.

- Uống thuốc tẩy giun định kỳ.

**DẶN DÒ** - Học II bài 12.

- Trả lời câu hỏi 1,2 sgk trang 46

- Đọc mục “Em có biết”

- Tìm hiểu ngành giun tròn: đại diện Giun đũa

- Các đặc điểm của giun đũa khác sán lá gan ?

- Tác hại của giun đũa và biện pháp phòng tránh ?

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ÂM NHẠC 7**

**Chủ đề 2: ÂM NHẠC DÂN TỘC**

**TUẦN 6:**

**NHẠC LÍ: NHỊP LẤY ĐÀ**

**TẬP ĐỌC NHẠC: TĐN SỐ 3**

**ÂM NHẠC THƯỜNG THỨC: SƠ LƯỢC VỀ MỘT SỐ NHẠC CỤ PHƯƠNG TÂY**

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

***a. Kiến thức***

* HS biết:
* Về nhịp lấy đà.
* Đọc đúng giai điệu, ghép lời ca bài TĐN số 3.
* Nhận biết được hình dáng một vài nhạc cụ phương Tây.
* HS hiểu: khái niệm và một số trường hợp của nhịp lấy đà; nét đẹp của các nhạc cụ phương Tây.
* HS vận dụng: đọc và kết hợp gõ phách, đánh nhịp bài TĐN số 3.

***b. Kĩ năng:***

* HS có thể nhận biết được những bài hát, bản nhạc có sử dụng nhịp lấy đà.
* HS tập đọc nhịp lấy đà thông qua bài TĐN số 3.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a. Các phẩm chất***

* Yêu gia đình, quê hương, đất nước

***b. Năng lực chung***

* Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.

***c. Năng lực chuyên biệt***

* Hiểu biết âm nhạc.
* Thực hành âm nhạc.

**II.CHUẨN BỊ:**

***1. Giáo viên:***

* SGK, SGV, Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chuẩn kiến thức, kĩ năng.
* Nhạc cụ, bảng phụ TĐN số 3, các loại nhạc cụ để giới thiệu (hoặc tranh ảnh các loại nhạc cụ được giới thiệu trong phần âm nhạc thường thức).
* Máy chiếu.

***2. Học sinh:***

* Tìm hiểu bài trước khi lên lớp.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. Hoạt động khởi động (5p):**

H. Trình bày thế nào là nhịp C? Sso sánh điểm giống và khác nhau giữa nhịp C và nhịp

**B. HĐ hình thành kiến thức mới (30p):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **HĐ 1:** Tìm hiểu về nhịp lấy đà (7p)  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - HS hoạt động cá nhân.  - Cho HS quan sát 2 ví dụ trong SGK và nhận xét :  H. Quan sát ô nhịp đầu tiên và nhận xét về số phách so với số chỉ nhịp ?  GV: Như vậy 2 ô nhịp đầu trong 2 VD trên người ta gọi là nhịp lấy đà  H. Em hiểu thế nào là nhịp lấy đà?  - GV rút ra định nghĩa nhịp lấy đà.  H. Tìm bài hát mà em biết có nhịp lấy đà?  ***4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét kết quả báo cáo của hs.  - GV chốt kiến thức.  **HĐ 2:** Tìm hiểu và đọc, ghép lời bài TĐN số 3 (15p).  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV cho h/s trình bày cá nhân phần chuẩn bị về bài TĐN số 3  - Gv cho h/s quan sát bản nhạc bài TĐN và yêu cầu h/s thảo luận nhóm nhận xét bài (3-5p):  + Gv phát phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | Nhịp |  | | Kí hiệu |  | | Chia câu |  | | Cao độ |  | | Trường độ |  | | ÂHTT |  |   + Hs làm vào phiếu học tập và chấm chéo nhóm.  + Gv đưa thang điểm để h/s nhận xét và chấm chéo.  - Gv cho h/s đọc gam Đô trưởng.  - Gv tiến hành dạy TĐN:  + Cho h/s đọc tên nốt nhạc  + H/s đọc tên nốt kết hợp gõ đệm bài TĐN số 3.  - Hướng dẫn h/s đọc từng câu kết hợp cao độ:  + GV đàn câu 1: gọi h/s đọc lại -> cả lớp đọc  + Đàn câu 2: gọi 1 h/s đọc lại, sau đó cả lớp cùng đọc.  + Ghép câu 1 + 2: h/s đọc.  - Dạy tương tự với 2 câu sau.  - Gv ghép toàn bài: h/s đọc và ghép lời kết hợp gõ phách bài TĐN số 3.  - Cho h/s thực hiện theo nhóm:  + N1: đọc nhạc  + N2: ghép lời ca.  Và đảo lại.  - Gv gọi 1,2 h/s đọc bài TĐN số 3.  ***4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Gv nhận xét kết quả báo cáo, cách đọc bài của h/s, góp ý, bổ sung.  - Gv chốt kiến thức.  **HĐ 3:** Tìm hiểu đôi nét về nhạc cụ phương Tây (8p)  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - HS đọc sgk, hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm cặp đôi tìm hiểu kiến thức:  H. Kể tên những loại nhạc cụ phương Tây mà em biết ?  -> Hôm nay chúng ta sẽ đi tìm hiểu về một số nhạc cụ phương Tây như *Piano; Violin; Guitar; Acoocdeon.*  ***\* Đàn Pi-a-nô:***  - GV cho HS quan sát ảnh đàn Pianô sau đó Gv giới thiệu cho HS những đặc điểm của cây đàn Pianô  - GV lấy tiếng Pianô trên đàn phím điện tử cho HS nghe âm thanh của nhạc cụ này  ***\* Đàn Vi-ô-lông :***  - GV cho HS quan sát tranh sau đó yêu cầu HS nhận xét về cấu tạo và cách chơi loại nhạc cụ này  - GV giới thiệu về cây đàn Xen-lô  - GV lấy tiếng Viôlông trên đàn phím điện tử và cho HS nghe âm thanh của loại nhạc cụ này  \* Các nhạc cụ còn lại GV thực hiện quy trình như giới thiệu 2 nhạc cụ ở trên.    ***4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét kết quả báo cáo của hs.  - GV chốt kiến thức. | ***2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS quan sát VD, hoạt động cá nhân => tìm hiểu, thống nhất kiến thức.  ***3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả tìm hiểu.  - HS nhận xét, góp ý, bổ sung.  ***2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Hs quan sát bản TĐN số 3, nghiên cứu tài liệu.  - Hs làm việc cá nhân => thảo luận nhóm bàn, thống nhất ý kiến.  - Hs đọc bài TĐN theo hướng dẫn của Gv.  ***3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Hs đọc bài TĐN số 3 theo nhóm.  - Đại diện cá nhân khác nhận xét, bổ sung và đi đến thống nhất kiến thức.  ***2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Hs đọc sgk, nghiên cứu tài liệu.  - Hs làm việc cá nhân => thảo luận nhóm cặp đôi, thống nhất ý kiến.  ***3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện cá nhân khác nhận xét, bổ sung và đi đến thống nhất kiến thức. | **1. Nhạc lí: *Nhịp lấy đà.***  - Khái niệm : Là ô nhịp đầu tiên không đủ số phách theo quy định của số chỉ nhịp thì gọi là ô nhịp lấy đà hay nhịp thiếu.  **2. Tập đọc nhạc: *TĐN số 3*.**  ***\*Nhận xét :***  - Nhịp  - Kí hiệu :  + Dấu : chấm dôi, lặng đen, nhắc lại  + Khung thay đổi số 1, số 2  - Chia câu : 4 câu  **3. Âm nhạc thường thức: Sơ lược về một vài nhạc cụ phương Tây.**  ***a. Đàn Pi-a-nô***  ***b. Đàn Vi-ô-lông***  ***c. Đàn Ghi-ta***  ***d. Đàn*** ***ăc-cooc-đê-ông*** |

**C. Luyện tập (3p)**

* Cho h/s đọc và ghép lời bài TĐN số 3.
* Chia lớp thành 2 nhóm: N1 đọc TĐN, N2 ghép lời ca.
* Cho HS nghe một bản nhạc độc tấu Pi-a-no hoặc Gui-tar.

**D. Vận dụng (5p)**

**H.** Thế nào là nhịp lấy đà ? Cho VD ?

GV Đàn: HS đọc nhạc - hát lời kết hợp gõ phách bài TĐN số 3.

**H.** Lời ca bài TĐN muốn nhắc nhở em điều gì ?

**TL:** Luôn yêu mến quê hương, dẫu có đi xa nhưng lòng vẫn hướng về quê hương thân yêu.

**E. Tìm tòi và mở rộng**

* Hãy tập đặt lời mới cho bài TĐN số 3 theo chủ đề mái trường thầy cô và bè bạn.

**TUẦN 6 PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN VẬT LÍ 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp** | **VẬT LÍ 7**  **Tiết 6** **GƯƠNG CẦU LỒI** |
|  | **I/ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG CẦU LỒI.**  *HĐ1. Hãy quan sát và nhận xét.*  *Đặt thửng đứng một gương phẳng và một gương lồi ở cạnh nhau trên mặt bàn. Đặt vật sáng ở trước và cách đều hai gương (hình minh họa H7.3).*  *Các em nhìn thấy hình ảnh của vật trong hai gương có gì khác nhau?*    Nhận xét: Cùng một vật và cùng khoảng cách từ vật đến gương, ta nhìn thấy ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi ……………của vật tạo bởi gương phẳng.  HĐ2.Hãy quan sát và nhận xét.  Lần lượt đặt vật sáng trước một gương phẳng rồi một gương cầu lồi, khoảng cách từ vật đến gương trong hai trường hợp là như nhau. Người ta thấy ảnh của vật được tạo bởi hai gương được mô tả như trên các hình H7.4 và H7.5.  Hãy so sánh và cho biết ảnh của vật tạo bởi hai gương có gì giống và khác nhau.    Nhận xét: Ảnh của một vật sáng được tạo bởi hai gương phẳng và gương cầu lồi đều là ảnh ảo: chùm tia phản xạ là chùm tia **……..**, vị trí ảnh của một điểm trên vật không phải là nơi giao nhau của các tia phản xạ mà là nơi giao nhau của đường**……..** của các tia này.  Vật và ảnh tạo bởi gương phẳng có cùng độ lớn, cùng khoảng cách đến gương, còn ảnh của vật tạo bởi gương cầu lồi có độ lớn **…..** hơn độ lớn của vật và ở **………** gương hơn vật.  **II/VÙNG NHÌN THẤY CỦA GƯƠNG CẦU LỒI.**  *HĐ3.Hãy quan sát và trả lời.*  *Hình H7.7 minh họa một người đúng quan sát trước một gương phẳng. Cho rằng M là vị trí của mắt, M’ là ảnh của mắt qua gương, S là một điểm trên một vật và S’ là ảnh của S qua gương. Hãy quan sát hình này và cho biết:*  *- Vùng nhìn thấy của gương được mô tả bởi phần nào trên hình ?*  *- Vật S có nằm trong vùng nhìn thấy của gương hay không ? Ánh sáng đi từ S đến mắt theo đường nào ? Mắt có nhìn thấy ảnh của S qua gương không ?*    *HĐ4.Hãy thực hiện thí nghiệm, nhận xét, giải thích và kết luận.*  *Lần lượt quan sát vùng nhìn thấy của một gương cầu lồi và một gương phẳng, hai gương có cùng kích thước bề mặt và đặt cùng vị trí trước mắt (hình H7.8a và H7.8b).*    **Kết luận:** Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi ***…….*** vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương.  **III/MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GƯƠNG CẦU LỒI.**  **HĐ 5.** Em hãy giải thích vì sao gương nhìn sau gắn trên xe máy, ô tô thường không phải là gương phẳng mà lại là gương cầu lồi.  Người ta dùng gương cầu lồi mà không dùng gương phẳn để làm gương nhìn sau vì gương cầu lồi có vùng nhìn thấy lớn hơn gương phẳng. Gương cầu càng lồi thì vùng nhìn thấy càng rộng. Tuy nhiên, khi này ảnh nhìn thấy trong gương cầu lồi sẽ khá nhỏ và có thể bị biến dạng (những cạnh thẳng trên vật có hình ảnh bị méo, cong như hình H7.10). **HĐ 6.**  Em hãy giải thích: ở những đoạn đường quanh co gấp khúc bị che khuất tầm nhìn như các đoạn đường đèo (hình H7.11), các góc phố, lối ra vào các công ty, xí nghiệp,…người ta thường đặt các gương cầu khá lớn ở bên đường (hình H7.12). Các gương này giúp ích gì cho những người đi qua lại các đoạn đường đó ? |
| **Hoạt động 2**: **Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.** | **PHIẾU HỌC TẬP**  HS dựa vào bài học trên trả lời các câu hỏi và bài tập sau:  Câu 1:Hãy nêu các đặc điểm của ảnh một vật sáng được tạo bởi gương cầulồi.    Câu 2:Hãy so sánh vùng nhìn thấy của gương cầu lồi và gương phẳng khi các gương có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương ?  Câu 3: Hãy nêu vài ứng dụng của gương cầu lồi trong cuộc sống. Câu 4: Một vật đặt trước một gương cầu lồi, đặc điểm nào sau đây của ảnh tạo bởi gương cầu lồi là sai ?  A. Ảnh là ảnh ảo  B. Ảnh không hứng được trên màn chắn.  C. Độ lớn của ảnh nhỏ hơn độ lớn của vật.  D. Khoảng cách từ vật và từ ảnh đến gương là bằng nhau.  Câu 5:So sánh nào sau đây vè gương phẳng và gương cầu lồi là sai ?  A. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở sau gương  B. Ảnh của vật sáng qua gương phẳng và gương cầu lồi đều ở gần gương hơn vật.  C. Khi một vật sáng đặt ở cùng vị trí trước gương phẳng và gương cầu lồi, mắt nhìn thấy ảnh qua gương phẳng lớn hơn ảnh qua gương cầu lồi.  D. Vùng nhìn thấy của gương phẳng hẹp hơn vùng nhìn thấy của gương cầu lồi có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương*.* |

1. **Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại của học sinh khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.**

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| **VẬT LÍ 7** | Mục I. ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG CẦU LỒI.  Mục II. VÙNG NHÌN THẤY CỦA GƯƠNG CẦU LỒI  Mục III. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GƯƠNG CẦU LỒI. | 1.  2.  3. |

**TUẦN 6-TIẾT 6**

**CHỦ ĐỀ 7: GƯƠNG CẦU LỒI**

**I. GƯƠNG CẦU LỒI**

- Những chiếc gương có mặt phản xạ là mặt lồi của một phần mặt cầu gọi là gương cầu lồi

- Vd: Mặt lồi của chiếc muỗng bóng ,mặt lồi của chiếc chảo bóng ,…

**II. ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG CẦU LỒI `**

1.Thí nghiệm :

2.Đặc điểm của ảnh tạo bởi gương cầu lồi:

**\* Kết luận**: Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi là ảnh ***ảo*** ở sau gương và ***nhỏ*** hơn vật.

II.VÙNG NHÌN THẦY CỦA GƯƠNG

\***Kết luận**: Vùng nhìn thấy của gương cầu lồi ***rộng hơn*** vùng nhìn thấy của gương phẳng có cùng kích thước và cùng vị trí đặt mắt trước gương.

**III. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GƯƠNG CẦU LỒI**

* Làm kính chiếu hậu trên xe ô tô, xe máy
* Làm kính quan sát ở những vị trí bị che khuất tầm nhìn

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC GDCD 7

TUÀN 6-7- TIẾT 6-7

BÀI 7: **ĐOÀN KẾT, TƯƠNG TRỢ**

Học sinh đọc bài và thực hiện các yêu cầu sau:

* Ghi nội dung bài học vào vở
* Trả lời theo hướng dẫn
* Tuần 6 học Hoạt động 1,2
* Tuần 7 học HĐ 3, Củng cố bổ sung tập vở đầy đủ ( nếu thiếu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **Hướng dẫn tự học** | **HĐ của HS** | **Nội dung bài ghi** |
| **HĐ1: TÌM HIỂU TRUYỆN ĐỌC** | | |
| HS đọc truyện tra lời  ? Khi lao động sang sân bóng, lớp 7A đã gặp phải khó khăn gì?  ?Lớp 7B đã làm gì đẻ giúp lớp 7A giải quyết khó khă  ? Hãy tìm những hình ảnh, câu nói thể hiện sự giúp đỡ nhau của hai lớp.  ? Những việc làm ấy thể hiện đức tính gì của các bạn lớp 7B?  Cho HS liên hệ thêm những câu chuyện trong lịch sử, trong cuộc sống để chứng minh sự đoàn kết, tương trợ . | Đọc bài  Tìm hiểu SGK và trả lời- Nông dân đoàn kết, tương trợ chống hạn hán, lũ lụt.  - ND ta đoàn kết chống giặc ngoại xâm.  - HS đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ trong học tập. | 1. **Truyện đọc**   Kết Luận: Thể hiện Tinh thần đoàn kết, tương trợ của 2 lớp |
| **HĐ2: TÌM HIỂU ND BÀI HỌC** | | |
| ? Đoàn kết, tương trợ là gì?  ? ý nghĩa của đoàn kết tương trợ?    ? Em sẽ rèn luyện tính đoàn kết, tương trợ ntn? | Tìm hiểu SGK và trả lời  - Quan tâm, tôn trọng mọi người, giúp đỡ người gặp khó khăn  - Có quan hệ thân ái trong tập thể, đối xử bình đẳng với bạn bè.  - Không gây xích mích, không chia bè phái, bao che khuyết điểm cho nhau.  - Quý trọng đoàn kết, tương trợ, phản đối những hành vi gây mất đoàn kết. | **2 . Nội dung bài học**  1, Khái niệm.  - Đoàn kết: Hợp lực, chung sức, chung lòng thành một khối để cùng làm một việc nào đó.  - Tương trợ: Thông cảm, chia sẽ, giúp đỡ ( Sức lực, tiền của )  Tương trợ hay hổ trợ, trợ giúp.  2, Ý nghĩa:  - Giúp chúng ta dễ dàng hoà nhập, hợp tác với mọi người xung quanh.  - Được mọi người yêu quý.  - Là truyền thống quý báu của dân tộc.  3, Rèn luyện đoàn kết, tương trợ.  - Tinh thần đoàn kết, tập thể, hợp quần.  - Sức mạnh, đoàn kết, nhất trí đảm bảo mọi thắng lợi thành công. |
| **HĐ3 : LÀM BÀI TẬP** | | |
| GV: Hướng dẫn HS giải bài tập Sách giáo khoa, trang 22  .  **3. Bài về nhà**   * **Học thuộc NDBH** * **Làm bài tập** * **Bổ sung bài vở đầy đủ( bài tập, bài soạn và bài gjhi)** |  | **3. Bài tập**  a. ) Nếu em là Thuỷ em sẽ giúp Trung ghi lại bài, thăm hỏi, động viên bạn.  b) Em không tán đồng việc làm của Tuấn vì như vậy là không giúp đỡ bạn mà là làm hại bạn.  c) Hai bạn góp sức cùng làm bài là không được. Giờ kiểm tra phải tự làm bài. |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÍ 7-TUẦN 6**

**BÀI 12: THỰC HÀNH**

**NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG**

**I.TÌM HIỂU BÀI**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

**Quan sát ba ảnh sau, nêu đặc điểm của mỗi ảnh và xếp loại kiểu môi trường rồi ghi vào bảng dưới đây**

|  |  |
| --- | --- |
| Lan anh 1 | lan anh 2 |
| 1. *Hoang mạc Xahara* | 1. *Công viên quốc gia Sê – ra – gát* |
| lan anh 3   1. *Bắc Công-gô* | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ảnh** | **Cây cỏ** | **Đất đai** | **Nguồn nước** | **Xếp loại môi trường** |
| **(a) Xahara** |  |  |  |  |
| **(b) Công viên Sê – ra – gát** |  |  |  |  |
| **(c) Bắc công gô** |  |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| A | B |
| C | D |
| E | |

**a/ Quan sát các biểu đồ A, B, C, D, E, phân tích diễn biến nhiêt độ, lượng mưa để lựa chọn đáp án ở cột B phù hợp với cột A**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CỘT A** | **ĐÁP AN** | **CỘT B** |
| 1. Nhiệt độ thấp nhất trong năm là 40C, có một lần nhiệt độ lên cao, mưa nhiều quanh năm. |  | Biểu đồ A |
| 2. Nhiệt độ thấp nhất trong năm là 140C , có một lần nhiệt độ lên cao, mưa rất ít dưới 200mm |  | Biểu đồ B |
| 3. Nhiệt độ thấp nhất trong năm là -140C, có một lần nhiệt độ lên cao, mưa tương đối ít. |  | Biểu đồ C |
| 4. Nhiệt độ thấp nhất trong năm là 220C, có hai lần nhiệt độ lên cao mưa theo mùa: Mùa mưa từ tháng 5 - tháng10 |  | Biểu đồ D |
| 5. Nhiệt độ thấp nhất trong năm là 150C, có một lần nhiệt độ xuống thấp, mưa tương rất ít. |  | Biểu đồ E |

**b/ Xác định biểu đồ đới nóng tiêu biểu nhất trong số các biểu đồ A, B, C, D, E**

+ Trong số các biểu đồ trên ; biểu đồ có nhiệt độ……………………………………

+ Lượng mưa……………………………………………………………………….

+ Đường biểu diễn nhiệt độ có hai lần cực đại tương ứng với hai thời điểm……......

…………………………… đó chính là biểu đồ……………………………………

**II. NỘI DUNG BÀI HỌC**: Nội dung các bài tập hoàn thành trong tìm hiểu bài

**III. LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**Xác định và đền tên các cảnh quan thuộc các kiểu môi trường đới nóng.**

|  |  |
| --- | --- |
| ***C:\Users\Administrator\Desktop\b3acf930e30e227bc6fef3a27e312ff7.jpg*** | **C:\Users\Administrator\Desktop\tải xuống.jpg** |
| 1. **....................................................** | 1. **.............................................** |
| **C:\Users\Administrator\Desktop\1418661752_skoplenie-zhivotnyh-7-700x366.jpg** | **C:\Users\Administrator\Desktop\summer-183607103637-sa-mac-1.jpg** |
| 1. **....................................................** | 1. **.............................................** |
| *Hình ảnh một số cảnh quan thuộc môi trường đới nóng* | |

**Công Nghệ 7 – Tuần 6**

**TIẾT 6:**

**TÁC DỤNG CỦA PHÂN BÓN VÀ CÁCH BÓN PHÂN**

|  |
| --- |
| **I. Tác dụng của phân bón.**  Nhờ có phân bón, đất phì nhiêu hơn, có nhiều chất dinh dưỡng, cây trồng phát triển, sinh trưởng tốt cho năng suất cao, chất lượng tốt. |
| **II.Cách bón phân:**  Căn cứ vào thời kì bón:  + Bón lót: Là bón phân vào đất trước khi gieo trồng, nhằm cung cấp chất dinh dưỡng cho cây con ngay khi mới mọc, mới bén rễ.  + Bón thúc: Là bón phân trong thời gian sinh trưởng, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng và phát triển tốt.  Căn cứ vào cách bón có:  - Bón theo hốc, theo hàng:  + Ưu điểm: Cây dễ sử dụng, cần dụng cụ đơn giản.  + Nhược điểm: Phân bón ít bị chuyển thành chất khó tan do hạn chế tiếp xúc với đất.  - Bón vãi:  + Ưu điểm: dễ thực hiện, cần dụng cụ đơn giản.  + Nhược điểm: Phân bón ít bị chuyển thành chất khó tan do hạn chế tiếp xúc với đất.  - Phun trên lá:  + ưu điểm: Cây dễ sử dụng, Phân bón không bị chuyển thành chất khó tan do không tiếp xúc với đất. tiết kiệm phân bón  + Nhược điểm: Có dụng cụ máy móc phức tạp. |

**Tuần 7**

**Tiết 25**: **QUAN HỆ TỪ**

I. Thế nào là quan hệ từ

1. Ví dụ:

- của: Nối phụ ngữ với danh từ trung tâm

 → quan hệ sở hữu.

- Như:  Nối bổ ngữ với tính từ trung tâm

→ quan hệ so sánh.

- Bởi …nên:  Nối 2 vế của câu ghép chính phụ → quan hệ nguyên nhân – hệ quả.

- và: nối hai vị ngữ của một vế câu ghép

 -> quan hệ bổ sung.

- Nhưng: Nối câu 1 và câu 2

 -> quan hệ đối nghịch.

**2. Ghi nhớ:** SGK/ 97

**II. Sử dụng quan hệ từ**

**1. Ví dụ:** SGK/ 97

- Các câu bắt buộc có quan hệ từ: b, đ, g, h

- Các câu không bắt buộc có quan hệ từ:a, c, e, i

**=> Có câu bắt buộc phải sử dụng quan hệ từ thì nghĩa của câu mới**

- Nếu …..thì…

- Vì …nên….

- Tuy… nhưng…

- Hễ …. thì…

- Sở dĩ … là vì…

**=> Một số quan hệ từ có thể dùng thành cặp**

- Đặt câu:

- *Nếu* trời mưa *thì* chúng ta không đi du lịch.

- *Vì* lười học *nên* anh phải lưu ban.

- *Tuy* nhà xa *nhưng* Nam luôn đi học đúng giờ.

- *Hễ* gió thổ mạnh *thì* diều bay cao

- *Sở dĩ* nó trượt *vì* nó chủ quan

**2. Ghi nhớ :** SGK / 98

**III. Luyện tập**

1. Bài tập 1:

- Các qhtừ trong đoạn đầu VB *Cổng trường mở ra: của, còn, còn, như, của...*

2. Bài 2:

- Các quan hệ từ cần điền lần lượt:

*Với, và, với, với, bằng, nếu . . .  thì, và.*

2. Bài tập 3:

|  |  |
| --- | --- |
| a. Nó rất thân ái bạn bè(-) |  |
| b.Nó rất thân ái  với bạn bè(+) |  |
| c. Bố mẹ rất lo lắng con(-) |  |
| d. Bố mẹ rất lo  lắng cho con(+) |  |
| e. Mẹ thương yêu không  nuông chiều con(-) |  |
| g. Mẹ thương yêu nhưng không nuông chiều con(+) |  |
| h.Tôi tặng quyển sách này anh Nam(-) |  |
| i.Tôi tặng quyển sách này cho anh Nam(+) |  |
| k.Tôi tặng anh Nam quyển sách này(+) |  |
| l. Tôi tặng cho anh Nam quyển sách này(+) |  |
|  |  |
|  |  |

**3. Củng cố, luyện tập:**

   - Trình bày khái niệm về quan hệ từ?

   -Ý nghĩa của các quan hệ từ?

**4. Hướng dẫn về nhà:**

       - Học bài cũ, học thuộc  nội dung 2 mục ghi nhớ.

       - Soạn bài: Luyện tập cách làm bài văn biểu cảm

**Tiết 26: LUYỆN TẬP CÁCH LÀM VĂN BẢN BIỂU CẢM**

**I.Hướng dẫn nhanh tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn bài**

Đề bài: Loài cây mà em yêu.

**1. Tìm hiểu đề**.

- Đối tượng: Loài cây

- Tình cảm cần biểu đạt: Tích cực, yêu quý: nói lên sự gắn bó, gần gũi và cần thiết của loài cây đó đối với đời sống chủ thể.

**2. Lập dàn bài**:

- Có thể chọn cây bàng, cây sấu, cây phượng…

**a. Mở bài:** Ví dụ về cây phượng.

- Giới thiệu chung về cây phượng

- Lí do yêu thích: Gắn bó với tuổi thơ

**b. Thân bài:**

- Miêu tả vẻ đẹp cây phượng mùa hè:

- Nỗi buồn chia tay của học sinh khi phải nghỉ hè.

- Học sinh cuối cấp chia tay mái trường, thầy cô, bạn bè.

-  Hoa phượng luôn là người bạn thân thiết của tuổi học trò.

**c. Kết bài**: Tình yêu của em đối với cây phượng.

**II. Thực hành**.

1. Viết đoạn:

- Mở bài

- Một  ý phần thân bài

- Kết bài

**2. Nhận xét, đánh giá.**

**3. Củng cố, luyện tập:**

Làm thế nào để viết tốt một đoạn  văn biểu cảm? Bài văn biểu cảm hay?

Tình cảm trong bài văn biểu cảm có thể được biểu hiện bằng những cách nào?

**4. Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn luyện lí thuyết

- Viết hoàn thành đề bài văn vừa tìm hiểu trên lớp

- Soạn bài: "Qua Đèo Ngang"

+ Những nét chính về nhà thơ Huyện Thanh Quan.

+ Thể thơ thất ngôn bát cú đường luật.

+ Phân tích cảnh vật nơi Đèo Ngang trong 4 câu thơ đầu.

+ Tình cảm của nhà thơ trong 4 câu thơ cuối.

**Tiết 27**

Văn bản: **QUA ĐÈO NGANG**

**( Bà Huyện Thanh Quan)**

**I.Đọc và tìn hiểu chú thích:**

**1**.**Tác giả:**

- Bà Huyện Thanh Quan: Tên thật là Nguyễn Thị  Hinh sống vào đầu thế kỉ XIX.

- Quê ở Hà Nội

- Là nhà thơ nữ nổi tiếng ở thế kỉ XVIII – XIX.

**2. Tác phẩm**:

- Viết khi bà trên đường vào kinh thành Huế nhận chức.

- PTBĐ: Biểu cảm

- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

+ Số câu: 8 câu/ bài

+ Số chữ trong trong 1câu: 7 chữ

+ Gieo vần chữ cuối các câu: 1,2,4,6,8 (tà, hoa, nhà, gia, ta)

+ Có NT đối giữa câu 3 – 4, 5 – 6

+ Có niêm  luật chặt chẽ. (B –T)

- Luật thơ: luật bằng ( luật trắc)

**2. Bố cục**:

- Hai câu đề

- Hai câu thực

- Hai câu luận

- Hai câu kết.

**II. Đọc -  hiểu  văn bản**:

**a.  Hai câu đề:**

 - Không gian: cảnh Đèo Ngang.

**- > Thời gian nghệ thuật: lúc xế** tà (đã về chiều)

**=> Gợi buồn, nhớ làm tăng thêm nỗi cô đơn trong lòng tác giả trên đường lữ thứ tha hương.**

-  Cảnh vật:cỏ cây, lá, đá, hoa

**-> Động từ “ chen’’ điệp 2 lần**

**=> Gợi sức sống cỏ cây ở một nơi hoang dã, vô trật tự, hoang vu**

**b. Hai câu thực:**

- lom khom dưới núi >< lác đác bên sông

tiều vài chú >< chợ mấy nhà

**-> Từ láy, đối, đảo ngữ, lặp cú pháp**

**=> Cảm xúc buồn, thiếu sức sống trước cảnh hoang vắng, heo hút lúc chiều tà**.

**c.  Hai câu luận**:

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc*

      VN1          VN2            CN

*Thương nhà mỏi miệng cái gia gia*

      VN1          VN2                   CN

**-> Phép đối, đảo ngữ, lấy động tả tĩnh, đồng âm, chơi chữ**

**=> Nhớ nhà, quê, nhớ quá khứ của đất nước, nhớ kinh thành Thăng Long (tâm trạng hoài cổ)**

**d**. **Hai câu kết**

**-** Trời, non, nước >< một mảnh tình riêng

-> Đối ý

- Cụm từ “ta với ta”

-> Đại từ, điệp từ

→  Nỗi buồn, nỗi cô đơn, xa vắng của người lữ khách đứng trên đỉnh đèo.

**III. Tổng kết**.

Ghi nhớ: SGK/ 104

**+ Củng cố và vận dụng**:  Cảm nghĩ sau khi học xong bài thơ này?

**+ Hướng dẫn về nhà:**

- Ôn bài, thuộc ghi nhớ, phân tích bài thơ, thể thơ.

- Soạn  bài: “*Bạn đến chơi nhà*”.

Tiết 28:**BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

( Nguyễn Khuyến)

**I.Đọc và tìm hiểu chú thích**

**1.Tác giả:**

- Nguyễn Khuyến (1835- 1909), quêở tỉnh Hà Nam.

- Ông là nhà thơ lớn của dân tộc.

- Phong cách thơ: nhẹ nhàng, thâm thuý và sâu sắc.

**2. Tác phẩm**:

- Bài thơ là một trong những bài thơ tiểu biểu cho đề tài viết về tình bạn của nhà thơ .

**-** PTBĐ: Biểu cảm

- Thể thơ : Thất ngôn bát cú.

**II. Đọc – hiểu văn bản:**

**1. Câu thơ đầu: Lời chào bạn**

*" Đã bấy lâu nay, bác tới nhà"*

- Giọng thơ hồ hởi như một tiếng reo vui của tác giả.

- Cách gọi: “bác” thể hiện sự kính trọng và tình cảm thân thiết giữa 2 người.

**→ Đó là tình bạn thân thiết, quý mến nhưng lại ít được  gặp nhau.**

**2. Sáu câu tiếp theo**: Hoàn cảnh tiếp bạn

- Trẻ đi vắng → không có người để sai hầu hạ, tiếp khách.

- Chợ : xa

- Cá : ao sâu, nhiều nước

- Gà:  vườn rộng, rào thưa

- Có cải, bầu, mướp, nụ: chưa đến độ ăn được.

- Miếng trầu không có.

**-> Cách nói phóng đại, lời thơ hóm hỉnh**

**=> Tác giả sử dụng cách nói có phần phóng đại cho thấy sự “không may” nói cho vui thể hiện sự quý mến bạn, tạo nụ cười hóm  hỉnh, thân mật.**

**3. Câu thơ cuối:**

*“Ta với ta”* chỉ chủ nhân (tác giả) - và khách

-> Đại từ “ta” vừa là số ít, vừa chỉ số nhiều

=> Khẳng định tình bạn cao cả, trong sáng, hồn nhiên chứ không phải là vật chất.

**III. Tổng kết:**

**Ghi nhớ:** SGK/105

**III. Luỵên tập**.

 “Ta với ta” (Qua Đèo Ngang) → Sự cô đơn,lẻ loi, một mình đối diện với chính mình) khắc sâu nỗi buồn chỉ có một mình.

- “Ta với ta” (Bạn …nhà) → Sự đồng cảm, tri kỷ tri ân giữa 2 người tuy hai mà một .

**+ Củng cố, luyện tập:**

**-** Cảm nghĩ của em sau khi học xong bài thơ này?

- Trong nhà trường hay trong cuộc sống chắc chắn em đã từng có rất nhiều những kỉ niệm đẹp về tình bạn, hãy kể lại một kỉ niệm sâu sắc của em về tình bạn đó?

**+ Hướng dẫn về nhà:**

- Học thuộc nội dung bài học, phần ghi nhớ, học thuộc bài thơ.

      - Sưu tầm các tác phẩm thơ của Nguyễn Khuyến.

      - Đọc thêm và thuộc đoạn trích trong bài “”.

**HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC TUẦN 7 Toán 7**

**Tiết 25 :§10. LÀM TRÒN SỐ**

\* Kiểm tra bài cũ

|  |  |
| --- | --- |
| Làm bài tập 68sgk  HS 1 làm câu a (10 đ)  HS 2 làm câu b (10 đ) | Bài 68/34sgk  a) Các phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn là:  vì mẫu chỉ có các ước là 2 và 5  - Các phân số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn là:  vì mẫu có các ước khác 2 và 5  b)  ; |

**1. Ví dụ**

Ví dụ 1: Làm tròn số thập phân 4,3 và 4,9 đến hàng đơn vị

4,3 gần 4 hơn 5 còn 4,9 gần 5 hơn 4 nên ta viết: 4,3 4 ; 4,9 5

**?1** Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị

5,4 ≈ 5 ; 5,8 ≈ 6 ; 4,5 ≈ 5 ; 4,5≈ 4

Ví dụ 2: Làm tròn số 72.900 đến hàng nghìn

Do 73000 gần với 72900 hơn là 72000 nên ta viết 72 900 ≈ 73 000

VD 3 : Làm tròn số 0,8134 đến phần nghìn

0,8134 ≈ 0,813

**?1** Làm tròn các số sau đến hàng đơn vị

5,4 ≈ 5 ; 5,8 ≈ 6 ; 4,5 ≈ 5 ; 4,5≈ 4

Ví dụ 2: Làm tròn số 72.900 đến hàng nghìn

Do 73000 gần với 72900 hơn là 72000 nên ta viết 72 900 ≈ 73 000

VD 3 : Làm tròn số 0,8134 đến phần nghìn

0,8134 ≈ 0,813

**LUYỆN TẬP**

**Bài 73 sgk**: Làm tròn các số đến chữ số thập phân thứ hai

7,923 ≈ 7,92 ; 17, 418 ≈ 17,42 79, 1364 ≈ 79,14

**Bài 76 sgk**

76 324 753 ≈ 76 324 750; 76 324 753 ≈ 76 324 800

76 324 753 ≈ 76 325000

3695 ≈ 3700 ; 3695 ≈ 3700; 3695 ≈ 3700

**\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

* Nắm vững hai qui tắc làm tròn số
* BTVN:74, 77, 78, 79 tr 37,38 sgk

TIẾT 26 : **LUYỆN TẬP**

\* Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ

|  |  |
| --- | --- |
| ***Câu hỏi*** | ***Đáp án*** |
| - Phát biểu qui ước làm tròn số (4đ)  - (6đ) Làm tròn các số sau:  a) Tròn chục 5032,6 ;  b) Tròn trăm 59436,21 ;  c) Tròn nghìn 107506 | - Qui ước làm tròn số: Như sgk/36  - Làm tròn các số:  a) 5032,6 ≈ 5030 ;  b) 59436,21 ≈ 59400 ;  c) 107506 ≈ 107 000 |

**LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG**

**Hoạt động 2**: ***Viết phân số về dạng số thập phân và ngược lại***

**Bài 68/34sgk**

a) Các số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn là:

= 0,625 ; = - 0,15 ; = 0,4

Giải thích: Vì mẫu có ước nguyên tố khác 2 và 5

b) Các số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn

= 0,(36) ; = 0,6(81); = 0,58(3)

Giải thích: Vì mẫu chỉ có ước là 2 và 5

**Bài 69/34sgk**

a) 8,5 : 3 = 2,8(3) ; b) 18,7 : 6 = 3,11(6)

c) 58 : 11 = 5,(27) ; d) 14,2:3,33 =4,(264)

**Bài 70/35sgk**

0,32 =  ; -0,124 = 

1,28 =  ; -3,12 = 

***Thực hiện phép tính, làm tròn số***

**Bài tập 99 tr 16 sbt**

a)1 = 1,666… ≈ 1,67

1. 5 = 5,1428… ≈ 5,14

= 4,2727… ≈ 4,27

**Bài 77 trang 37 sgk**

a) 495. 52 = 25000

b) 82,36. 5,1 = 400

c) 6730 : 48 = 140

**Bài 81 tr 38 sgk**

a) Cách 1: 14,61 – 7,15 + 3,2 ≈ 15 – 7 + 3 ≈ 11

Cách 2 : 14,61 – 7,15 + 3,2 ≈ 10,66 ≈ 11

b) Cách 1 : 7,56 + 5,173 ≈ 8. 5 ≈ 40

Cách 2 : 7,56 + 5,173 ≈ 39,10788 ≈ 39

c) Cách 1 : 73,95 : 14,2≈ 74 : 14 ≈ 5

Cách 2 : 73,95 : 14,2 ≈ 5,2077 ≈ 5

**\* HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

Bài tập về nhà 79, 80 trang 38 SGK,98,101, 104 trang 16,17 SBT

**TIẾT 27: ÔN TẬP CHƯƠNG I**

**Hoạt động 1: *Hệ thống kiến thứ***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| GV giao nhiệm vụ:  + Dùng hình vẽ thể hiện các nội dung sau:  - Hai góc đối đỉnh;  - Hai đường thẳng vuông góc;  - Đường trung trực của một đoạn thẳng;  - Hai đường thẳng vuông góc, song song với một đường thẳng;  - Tính chất và dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.  + Hãy phát biểu các nội dung đó bằng lời. | **Bài 1**  **c**  **b**  **a**  **c**  **b**  **a**  **c**  **b**  **a**  **x**  **y**  **,**  **y**  **x**  **,**  **y**  **,**  **y**  **x**  **,**  **x**  **B**  **A**  **d** Các hình sau minh họa cho các kiến thức đã học  \* Phát biểu: SGK |

**Hoạt động 2: *Củng cố kiến thức***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| GV nêu bài tập (bảng phụ): *Tìm câu đúng, sai*  a. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.  b. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh.  c. Hai đường thẳng vuông góc thì cắt nhau.  d. Hai đường thẳng cắt nhau thì vuông góc.  e. Đường trung trực của đoạn thẳng đi qua trung điểm của nó.  \* Chú ý: câu sai vẽ hình minh họa.  HS thảo luận, trả lời. | **Bài 3: Các câu sau đúng hay sai ?**  a. Đ  b. S  c. Đ  d. S  e. S |

**Hoạt động 3: *Làm bài tập***

**BT 54/103 (SGK):**

5 cặp đường thẳng vuông góc là: d1d8 ; d3  d4 ; d3  d7 , d1  d2 ; d3  d5

- 4 cặp đường thẳng // là:

d8 // d2 ; d4 // d5 ; d4 // d7 ; d5 // d7

**BT 55/103 (SGK):**

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Học kĩ các kiến thức đã học trong chương

-Làm các bài tập 56; 57/103 sgk.

- Hướng dẫn bài tập 57: + Qua O kẻ đường thẳng c song song với đường thẳng a

+ Chia góc O thành hai góc Ô1 và Ô2 . Vậy 

+ Dựa vào t/c hai dường thẳng song song suy ra 

TIẾT 28: §1. TỔNG BA GÓC TRONG MỘT TAM GIÁC

***1. Tổng ba góc của tam giác***



?1 Kết quả đo:

 =  =

 =  =

 =  =

 +  +  = 180o

 +  +  = 180o

?2 Thực hành

\* Dự đoán:  +  +  = 180o

\* Định lí: ( sgk)

GT Δ ABC

KL  +  +  = 180o

Chứng minh

- Qua A vẽ đường thẳng d song song với BC.

d// BC => =  ,  = (các góc sole trong)

Suy ra

 +  +  =  +  +  = 1800

***2. Áp dụng vào tam giác vuông***

Định nghĩa: *Tam giác vuông là tam giác có một góc vuông.*

Vẽ tam giác ABC

( = 900)

BC: cạnh huyền

AB, AC: cạnh góc vuông

?3  +  +  = 180o

 + = 1800 – 

* 1800 – 900 = 900

 và  gọi là hai góc phụ nhau

*Định lý*: Trong tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau

**3. Góc ngoài của tam giác**

****Định nghĩa: *Góc ngoài của một tam giác là góc kề bù với một góc của tam giác ấy*

Góc ACx là góc ngoài

tại đỉnh C của tam

giác ABC. khi đó,

các góc A, B, C

góc trong của tam giác

?4  = 1800 –  ;  + = 1800- 

*  = +Â

 >  ;  > 

Định lý : (sgk/107)

**Hoạt động : Luyện tập**

**Bài** 1 /107 sgk



Hình 47 : ΔABC có  +  +  = 1800

|  |
| --- |
| **Bài** 1 /107 sgk    Hình 47 : ΔABC có  +  +  = 1800  Hay 900 + 550 + x = 1800  => x = 1800 – ( 550 + 900) = 350  Hình 48 : ΔGHI có  +  +  = 180  Hay 30 + x + 40 = 180  => x = 180 –( 30 + 40 )  Hình 49: ΔMNP có  +  +  = 180  Hay x + 50 + x = 180 hay 2x + 50 = 180  => x = (180 – 50): 2 = 65  Hình 50: x = 1800 – 400 = 1400  y = 600 + 400 = 1000  Hình 51: x = 400 + 700 = 1100  y = 1800 – (400 + 1100) = 300 |
| **Bài 2/108sgk**   |  |  | | --- | --- | | GT | ΔABC, = 800  = 300 ; | | KL | Tính  ; |       (Góc ngoài của ΔADC)  (Góc ngoài của ΔADB)  **Hoạt động : Vận dụng**  Mục tiêu: Củng cố và vận dụng các kiến thức đã học trong bài. Áp dụng vào bài tập tính góc  Nội dung: Làm các bài tập, tìm hiểu các kiến thức liên quan  Làm bài 2,4,5,6,7 / 108-109  Học thuộc định lí |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Tin học 7 Tuần 7*** | ***Bài thực hành 3*** | **BẢNG ĐIỂM CỦA EM (T1)** |

|  |
| --- |
| **Bài tập 1** : *Sử dụng công thức để tính các giá trị sau đây trên trang tính :*  a, 20+15 ; 20-15 ;  20x5 ; 20/5 ; 205  b, 20+15x4 ; (20+15)x4 ;  (20-15)x4 ; 20-(15x4)  c, 144/6-3x5; 144/(6-3)x5 ; (144/6-3)x5  d, 152/4 ; (2+7)2/7 ;  (32-7)2-(6+5)3; (188-122)/7  + Chọn ô tính chứa công thức và nháy chuột vào công thức hiển thị trên thanh công thức rồi thực hiện chỉnh sửa.  + Có thể chọn ô tính và nhấn phím F2 (hoặc nháy đúp chuột vào ô tính) rồi chỉnh sửa công thức ngay tại ô tính.  + Nhấn Enter để hoàn tất việc chỉnh sửa.  **Bài tập 2**: *Tạo trang tính và nhập công thức:*  Mở trang tính mới và nhập các dữ liệu như hình1 ⭢ Nhập các công thức vào các ô tính tương ứng như trong bảng (h2)    *Hình 1* |

*Hình 2*

|  |
| --- |
| **Bài tập 3:** Giả sử em có 500.000 đồng gửi tiết kiệm không kì hạn với lãi xuất 0,3% tháng. Hãy sử dụng công thức để tính xem trong vòng một năm, hàng tháng em có bao nhiêu tiền trong sổ tiết kiệm ? Hãy lập bảng như hình sau và lập công thức để sao cho khi thay đổi số tiền ban đầu và lãi xuất thì không cần phải nhập lại công thức. Lưu bảng tính với tên ***Sổ tiết kiệm***.    Số tiền tháng thứ nhất = *Số tiền gửi + Số tiền gửi* x *lãi xuất ;*  Số tiền từ tháng thứ hai trở đi = *Số tiền của tháng trước + Số tiền tháng trước* x *lãi xuất ;*  + Tại ô E3 nhập công thức: =B2+ B2\*B3  + Tại ô E4 nhập công thức: =E3+E3\*B3  + Tại ô E5 nhập công thức: =E4+E4\*B3  ......  + Đến ô E14 nhập công thức: =E13+E13\*B3 |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

**MÔN: LỊCH SỬ 7**

**TUẦN 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 13**  **BÀI 9: NƯỚC ĐẠI CỒ VIỆT THỜI ĐINH – TIỀN LÊ (tt)** |  |
| **II. SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA**  Yêu cầu HS đọc SGK  *Hỏi:* Em có suy nghĩ gì về tình hình nông nghiệp thời Định – Tiền Lê  H: Vua Lê Đại Hành tổ chức lễ cày tịch điền để làm gì ?  H: Sự phát triển của thủ công nghiệp thể hiện ở những mặt nào?  Vì đất nước đã được độc lập, các nghề đựơc tự do phát triển, không bị kìm hãm như trước nay. Mặt khác, các thợ khéo cũng không bị cống nạp sang TQ  H: Hãy miêu tả lại cung điện Hoa Lư để thấy được sự phát triển của nước ta thời Tiền Lê ?  *Hỏi:* Thương nghiệp có gì đáng chú ý ?  *Hỏi:*  Việc thiết lập quan hệ bang giao với nhà Tống có ý nghĩa gì ? | **II. SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ VĂN HÓA**  ***1) Bước đầu xây dựng nền kinh tế tự chủ***  \* Nông nghiệp:  - Ruộng đất chia cho nông dân  - Khai khan đất hoang  - chú trọng thủy lợi -> ổn định và phát triển  \* Thủ công nghiệp  - Lập nhiều xưởng mới  - Nghề cổ truyền phát triển  \* Thương nghiệp:  - Đúc tiền đồng  - Trung tâm buô  - Buôn bán với nước ngoài  ***2. Đời sống xã hội và văn hóa (hs tự học)*** |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***  **Câu 1:** Tôn giáo nào phổ biến nhất dưới thời tiền Lê?  **A.** Phật giáo.  **B.** Nho giáo.  **C.** Đạo giáo.  **D.** Thiên Chúa giáo.  **C âu 2:** Tình hình bang giao Việt – Tống dưới thời tiền Lê như thế nào?  **A.** Nhà Tống vẫn tiếp tục gây hấn, cho quân xâm lược Đại Cồ Việt.  **B.** Nhà tiền Lê cắt đứt quan hệ bang gia với nhà Tống.  **C.** Quan hệ bang giao Việt – Tống nhìn chung tốt đẹp, hòa hảo.  **D.** Nhà Tống phải kiên nể, thần phục Đại Cồ Việt. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **TIẾT 14**  **BÀI 10:NHÀ LÝ ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC** |  |
| **1) Sự thành lập nhà lý**  Hs đọc sách giáo khoa trang 35, 36 và trả lời các câu hỏi sau:  *Hỏi:* Khi Long Đĩnh chết,quan lại trong triều tôn ai làm vua?  *Hỏi:*  Tại sao Lý Công Uẩn được tôn làm vua ?  *Hỏi:* Tại sao Lý Công Uẩn quyết định dời đô về Đại La và đổi tên là Thăng Long ?  *Hỏi:*  Việc dời đô về Thăng Long của vua Lý nói lên ước nguyện gì của ông cha ta ?  H: Ai là người đứng đầu Nhà nước ?  H: Quyền hành của vua như thế nào ?  H: Có ai giúp vua lo việc nước ?  H: Bộ máy chính quyền ở địa phương được tổ chức như thế nào ?  **2) Luật pháp và quân**  Hs đọc sách giáo khoa trả lời các câu hỏi  H: Nêu nội dung của bộ luật Hình thư  *Hỏi:*  Quân đội nhà Lý gồm mấy bộ phận ?  *Hỏi:*  Nhận xét gì về tổ chức quân đội của nhà Lý ?  *Hỏi:*  Nhà Lý đã thi hành chủ trương gì để bảo vệ khối đoàn kết dân tộc ?  *Hỏi:*  Trình bày các chính sách đối ngoại của nhà Lý đối với các nước láng giềng  *Hỏi:*  Nhận xét gì về các chủ trương của nhà Lý ? | **1) Sự thành lập nhà lý**  **Vua**  - Năm 1009, Lê Long Đĩnh chết.Triều Tiền Lê chấm dứt  Lý Công Uẩn lên ngôi  - Năm 1010, Lý Công Uẩn dời đô về Đại La, lấy tên là Thăng Long  - Năm 1054, nhà Lý đổi tên nước là Đại Việt    **Quan võ**  **Quan văn**    24 lộ, phủ  Huyện Hương  **2) Luật pháp và quân**  - Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ Hình thư  - Quân đội gồm có cấm quân và quân địa phương.  Nhà Lý thi hành chính sách “ Ngụ binh ư nông”  Quan hệ bình đẳng với các nước láng giề |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***  **Câu 1:** Nhà Lý được thành lập năm bao nhiêu?  **A.** 1008  **B.** 1009  **C.** 1010  **D.** 1011  **Câu 2:** Vì sao nhà Lý dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long?  **A.** Thăng Long gần Đình Bảng, quê cha đất tổ của họ Lý.  **B.** Địa thế Thăng Long đẹp hơn Hoa Lư.  **C.** Đóng đô ở Hoa Lư, các triều đại không kéo dài được.  **D.** Thăng Long ở vị trí trung tâm, có điều kiện thuận tiện để trở thành trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của một quốc gia độc lập.  **Câu 3:** Kinh thành Thăng Long được bao vây bởi một vòng thành ngoài cùng được gọi là:  **A.** Cấm thành  **B.** La thành  **C.** Hoàng thành  **D.** Vi thành  **Câu 4:** Nhà Lý đổi tên nước thành Đại Việt năm bao nhiêu?  **A.** Năm 1010.  **B.** Năm 1045.  **C.** Năm 1054.  **D.** Năm 1075.  **Câu 5:** Bộ luật thành văn đầu tiên củ nước ta là:  **A.** Hình thư  **B.** Gia Long  **C.** Hồng Đức  **D.** Cả 3 đều sai  **Câu 6:** Tại sao pháp luật thời Lý nghiêm cấm việc giết mổ trâu, bò?  **A.** Đạo Phật được đề cao, nên cấm sát sinh.  **B.** Trâu, bò là động vật quý hiếm.  **C.** Trâu, bò là động vật linh thiêng.  **D.** Để bảo vệ sản xuất nông nghiệp.  **Câu 7:** Nhà Lý có chính sách gì đối với miền biên viễn?  **A.** Ban cấp ruộng đất cho các tù trường dân tộc miền núi.  **B.** Gả các công chúa và phong tước cho các từ trưởng miền núi.  **C.** Cho các từ trưởng miền núi tự quản lý vùng đất của mình.  **D.** Không can thiệp vào tình hình vùng biên giới.  **Câu 8:** Nhà Lý luôn kiên quyết giữ vững nguyên tắc gì trong khi duy trì mối bang giao với các nước láng giềng?  **A.** Hòa hảo thân thiện.  **B.** Đoàn kết tránh xung đột  **C.** Giữ vững chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.  **D.** Mở cửa, trao đổi, lưu thông hàng hóa.  **Câu 9:** Tác dụng của chính sách “ngụ binh ư nông”?  **A.** Tạo điều kiện để phát triển nông nghiệp.  **B.** Tạo điều kiện có thêm lực lượng vũ trang khi có chiến tranh.  **C.** Giảm bớt ngân qũy chi cho quốc phòng.  **D.** Thời bình thì tăng thêm người sản xuất, khi có chiến tranh tất cả đều sung vào lính, nên lực lượng vẫn đông. |  |

**Tiết 13 - Bài 13**

**NGÀNH GIUN TRÒN - ĐẠI DIỆN: GIUN ĐŨA**

**I. HÌNH DẠNG NGOÀI:**

- Cơ thể hình ống dài.

- Lớp vỏ cuticun bọc ngoài giúp căng tròn cơ thể và không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa trong ruột người.

**II.CẤU TẠO TRONG VÀ DI CHUYỂN:**

**1. Cấu tạo trong:**

- Thành cơ thể có lớp biểu bì và cơ dọc phát triển.

- Khoang cơ thể chưa chính thức,

- Ống tiêu hóa: miệng, ruột thẳng, hậu môn,

- Tuyến sinh dục dài, cuộn khúc.

**2. Di chuyển:**

- Chui rúc bằng cách cong duỗi cơ thể.

**III. DINH DƯỠNG:**

- Giun đũa lấy thức ăn nhanh và nhiều,

- Thức ăn vào miệng theo ruột thẳng tới hậu môn.

**IV. SINH SẢN:**

- Cơ thể phân tính (đực, cái )

- Cơ quan sinh dục dạng ống dài.

- Thụ tinh trong , đẻ nhiều trứng

**V. BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH:**

- Giữ vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân khi ăn uống.

- Tẩy giun theo định kì ( 6 tháng / 1 lần )

**DẶN DÒ**

- Học bài, làm bài tập SGK trang 49

- Đọc “Em có biết”

- Tìm hiểu bài 14: Một số Giun tròn khác. Đặc điểm chung của ngành Giun tròn.

**Tiết 14–Bài 14**

**MỘT SỐ GIUN TRÒN KHÁC VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH**

**I. Một số giun tròn khác:**

**- Nơi sống:** đa số sống kí sinh, một số sống tự do.

**- Tác hại:** hút các chất dinh dưỡng trong cơ thể người, động vật và thực vật.

**- Đại diện:** giun kim, giun móc câu, giun rễ lúa, giun tóc, giun xoắn...

**II. Tìm hiểu bệnh giun và biện pháp phòng tránh:**

1. **Một số bệnh giun:**

**- Bệnh giun kim:** giun cái chui ra ngoài hậu môn đẻ trứng, khiến cho trẻ ngứa ngáy khó chịu.

**- Bệnh giun xoắn:** Giun xoắn trưởng thành gây tiêu chảy, liệt cơ. Có thể chết do suy nhược, đau cơ và liệt hô hấp.

**- Giun tròn rễ lúa:** gây bệnh vàng lá lúa ….

**2. Biện pháp phòng tránh:**

- Giữ gìn vệ sinh cá nhân: rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.

- Giữ gìn vệ sinh môi trường: tiêu diệt ruồi nhặng, không vứt rác bừa bãi, không tưới phân tươi cho rau.

- Giáo dục trẻ bỏ thói quen mút tay.

- Không đi chân đất.

- Kiểm nghiệm thực phẩm và cấm buôn bán các loại thịt trâu, bò, lợn,…bị nhiễm bệnh.

**DẶN DÒ** - Học bài, Trả lời câu hỏi sgk

- Đọc mục em có biết

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ÂM NHẠC 7**

**Chủ đề 2: ÂM NHẠC DÂN TỘC**

**TUẦN 7**

***ÔN TẬP – KIỂM TRA***

**I.MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

***a. Kiến thức***

* HS biết:
* Hát đúng và thuộc lời ca của hai bài hát : *Mái trường mến yêu* và  *Lí cây đa*.
* HS nhận biết được nhịp lấy đà.
* HS hiểu: cách hát kết hợp các hình thức gõ đệm, trình bày bài hát theo hình thức đơn ca, song ca, tốp ca,…
* HS vận dụng:
* Phân biệt được nhịp, nhịp, nhịp. Cách đánh nhịp
* HS đọc đúng giai điệu, ghép lời ca các bài TĐN số 1,2,3. Biết hình tiết tấu có trong bài TĐN.

***b. Kĩ năng:***

* HS tập kĩ năng hát kết hợp với biểu diễn dưới hình thức nâng cao.
* HS tiếp tục rèn luyện kĩ năng đọc nhạc.
* HS tập làm những bài tập áp dụng từ phần nhạc lí đã được học.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a. Các phẩm chất***

* Yêu gia đình, quê hương, đất nước

***b. Năng lực chung***

* Năng lực tự học, giải quyết vấn đề.

***c. Năng lực chuyên biệt***

* Hiểu biết âm nhạc.
* Thực hành âm nhạc.

**II. CHUẨN BỊ:**

***1. Giáo viên:***

* Soạn bài, SGK, Hướng dẫn thực hiện Chuẩn KT-KN, nhạc cụ.
* Máy chiếu.

***2. Học sinh:***

* Ôn tập lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học.
* SGK, vở ghi, VBT, đồ dùng học tập.

**III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. Hoạt động khởi động (5p):**

* GV cho h/s hát 1 bài hát tập thể.

**B. HĐ hình thành kiến thức mới (30p):**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **HĐ của HS** | **Nội dung** |
| **HĐ 1:** Ôn tập hai bài hát (12p)  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Gv đàn cho HS luyện thanh theo mẫu âm đơn giản.    - Giáo viên đàn, thực hiện mẫu trước,bắt nhịp HS thực hiện.  - Cho HS nghe lại giai điệu của từng bài hát, hướng dẫn Hs ôn luyện từng bài kết hợp một số động tác phụ hoạ phù hợp.  - Gọi HS lên bảng trình bày theo nhóm và cá nhân, Gv đệm đàn.  ***4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét cách trình bày của hs.  - GV chốt kiến thức.  **HĐ 2:** Ôn tập 3 bài TĐN (12p)  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Gv cho hs ôn lại 3 bài TĐN  - TĐN số 1,2,3 :  + Gv đàn cho HS đọc lại gam Gdur và các trục âm của gam.  + Gv đàn giai điệu 3 bài TĐN cho HS nghe.  + Gv đàn - HS đọc và ghép lời 2 bài TĐN chéo giữa các nhóm với nhau.  + Gọi từng nhóm 2 HS lên bảng đọc nhạc và ghép lời - gọi HS khác nhận xét  + Yêu cầu HS lên bảng ghi lại âm hình tiết tấu của 3 bài TĐN sau đó cả lớp gõ tiết tấu.  + Gv nghe và sửa sai ngay tại lớp.  + Gv đặt câu hỏi kiểm tra.  ***4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét cách trình bày của hs.  - GV chốt kiến thức.  **HĐ 3:** Ôn tập nhạc lí (6p)  ***1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV hướng dẫn hs ôn tập :  **H**: Trình bày khái niệm nhịp C? Vẽ sơ đồ cách đánh nhịp C?  **H:** So sánh điểm giống và khác nhau giữa nhịp C với nhip và?  - Gọi 1 em HS chỉ huy cho cả lớp hát bài mái trường mến yêu viết ở nhịp C.  - Gv nhận xét và củng cố.  **H** : nhịp lấy đà là gì ? Cho VD về nhịp lấy đà ?  - Cho HS nhận biết nhịp lấy đà qua một số bài hát Gv cho quan sát.  ***4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***  - GV nhận xét kết quả báo cáo của hs.  - GV chốt kiến thức. | ***2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Nghe giai điệu 2 bài hát.  - Ôn luyện theo hướng dẫn.  ***3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  - Thực hiện hát theo nhóm.  - HS nhận xét chéo nhóm.  ***2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Thực hiện ôn tập và kiểm tra theo Gv hướng dẫn.  ***3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS đọc và ghép lời ca theo nhóm.  - HS nhận xét, đánh giá chéo  ***2. Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Thực hiện ôn tập theo hướng dẫn.  ***3. Báo cáo kết quả và thảo luận***  - HS báo cáo kết quả làm việc.  - HS nhận xét | **1. Ôn tập 2 bài hát :**  ***a. Mái trường mến yêu.***  ***b. Lí cây đa.***    **2. Ôn tập 2 bài TĐN.**  ***a.TĐN số 1 :***  -Ca ngợi Tổ Quốc.  ***b. TĐN số 2:***  - Ánh trăng.  ***c. TĐN số 3.***  - Đất nước tươi đẹp sao.  **3. Ôn tập Nhạc lí.**  ***a. Nhịp C.***  ***b. Nhịp lấy đà*** |

**C. Luyện tập (3p)**

* HS trình bày các bài hát thuần thục, chia nhóm, hát lĩnh xướng,…
* Đọc lưu loát đúng tên nốt nhạc và trường độ kết hợp ghép lời và gõ phách các bài TĐN số 1,2,3.
* Chữa 1 số bài tập khó trong SGK và sách bài tập âm nhạc.

**D. Vận dụng (4p)**

H. Em hãy cho biết có những bài hát nào viết về mái trường, bè bạn và thầy cô?

**E. Tìm tòi và mởi rộng:**

H. Em hiểu gì về dân ca quan họ? Dân ca quan họ Bắc Ninh đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể vào năm nào?

**IV. PHỤ LỤC VÀ ĐIỀU CHỈNH**

**TUẦN 7-TIẾT 7**

**CHỦ ĐỀ 8: GƯƠNG CẦU LÕM**

**I. GƯƠNG CẦU LÕM**

- Những chiếc gương có mặt phản xạ là mặt lõm của một phần mặt cầu gọi là gương cầu lõm

- Vd: Mặt lõm của chiếc muỗng bóng ,mặt lõmcủa chiếc chảo bóng ,…

**II. ẢNH CỦA MỘT VẬT TẠO BỞI GƯƠNG CẦU LÕM `**

1.Thí nghiệm :

2.Đặc điểm của ảnh tạo bởi gương cầu lồi:

**\* Kết luận**: Ảnh của một vật sáng được đặt ở gần một gương cầu lõm là ảnh ***ảo*** ở sau gương và ***lớn*** hơn vật.

**II. ĐẶC ĐIỂM PHẢN XẠ ÁNH SÁNG TRÊN GƯƠNG CẦU LÕM**

1. Đối với chum tia tới song song:

Chùm tia sáng song song tới một gương cầu lõm có chum tia phản xạ hội tụ vào một điểm ở trước gương

1. Đối với chùm tia tới phân kì

Một nguồn sáng nhỏ S đặt trước gương cầu lõm ở một vị trí thích hợp sẽ tạo ra một chùm tia phản xạ song song

**III. MỘT SỐ ỨNG DỤNG CỦA GƯƠNG CẦU LÕM**

* Làm bếp mặt trời

\*Giải thích nguyên tắc làm việc của bếp: Đặt nồi ở vị trí thích hợp trước gương. Chùm tia sáng song song của Mặt Trời đến gương có chùm tia phản xạ hội tụ tại vị trí nồi và nung nóng nồi.

* Làm chóa đèn trong đèn pin, đèn xe máy…

\*Giải thíchvì sao nhờ chóa đèn mà đèn có thể chiếu as đi xa: Khi đèn được đặt ở vị trí thích hợp trước gương, chùm tia sáng phân kì từ đèn đến gương có chùm tia phản xạ là chùm sáng song song. Điều này cho ánh sáng đi được xa mà vẫn rõ.  
  
  
**Dặn dò.**

* Học bài,làm các bài tập 3,4,5,6,7 tài liệu trang 59;60.
* Đọc phần “Thế giới quanh ta”
* Xem lại kiến thức từ chủ đề 1 đến chủ đề 8 chuẩn bị tổng kết và làm kiểm tra 1 tiết.

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC GDCD 7

TUÀN 6-7- TIẾT 6-7

BÀI 7: **ĐOÀN KẾT, TƯƠNG TRỢ**

Học sinh đọc bài và thực hiện các yêu cầu sau:

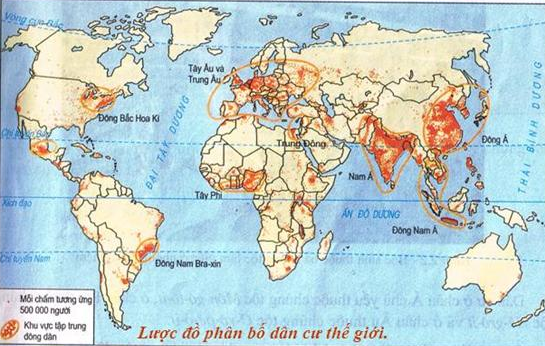
* Ghi nội dung bài học vào vở
* Trả lời theo hướng dẫn
* Tuần 6 học Hoạt động 1,2
* Tuần 7 học HĐ 3, Củng cố bổ sung tập vở đầy đủ ( nếu thiếu)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **Hướng dẫn tự học** | **HĐ của HS** | **Nội dung bài ghi** |
| **HĐ1: TÌM HIỂU TRUYỆN ĐỌC** | | |
| HS đọc truyện tra lời  ? Khi lao động sang sân bóng, lớp 7A đã gặp phải khó khăn gì?  ?Lớp 7B đã làm gì đẻ giúp lớp 7A giải quyết khó khă  ? Hãy tìm những hình ảnh, câu nói thể hiện sự giúp đỡ nhau của hai lớp.  ? Những việc làm ấy thể hiện đức tính gì của các bạn lớp 7B?  Cho HS liên hệ thêm những câu chuyện trong lịch sử, trong cuộc sống để chứng minh sự đoàn kết, tương trợ . | Đọc bài  Tìm hiểu SGK và trả lời- Nông dân đoàn kết, tương trợ chống hạn hán, lũ lụt.  - ND ta đoàn kết chống giặc ngoại xâm.  - HS đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ trong học tập. | 1. **Truyện đọc**   Kết Luận: Thể hiện Tinh thần đoàn kết, tương trợ của 2 lớp |
| **HĐ2: TÌM HIỂU ND BÀI HỌC** | | |
| ? Đoàn kết, tương trợ là gì?  ? ý nghĩa của đoàn kết tương trợ?    ? Em sẽ rèn luyện tính đoàn kết, tương trợ ntn? | Tìm hiểu SGK và trả lời  - Quan tâm, tôn trọng mọi người, giúp đỡ người gặp khó khăn  - Có quan hệ thân ái trong tập thể, đối xử bình đẳng với bạn bè.  - Không gây xích mích, không chia bè phái, bao che khuyết điểm cho nhau.  - Quý trọng đoàn kết, tương trợ, phản đối những hành vi gây mất đoàn kết. | **2 . Nội dung bài học**  1, Khái niệm.  - Đoàn kết: Hợp lực, chung sức, chung lòng thành một khối để cùng làm một việc nào đó.  - Tương trợ: Thông cảm, chia sẽ, giúp đỡ ( Sức lực, tiền của )  Tương trợ hay hổ trợ, trợ giúp.  2, Ý nghĩa:  - Giúp chúng ta dễ dàng hoà nhập, hợp tác với mọi người xung quanh.  - Được mọi người yêu quý.  - Là truyền thống quý báu của dân tộc.  3, Rèn luyện đoàn kết, tương trợ.  - Tinh thần đoàn kết, tập thể, hợp quần.  - Sức mạnh, đoàn kết, nhất trí đảm bảo mọi thắng lợi thành công. |
| **HĐ3 : LÀM BÀI TẬP** | | |
| GV: Hướng dẫn HS giải bài tập Sách giáo khoa, trang 22  .  **3. Bài về nhà**   * **Học thuộc NDBH** * **Làm bài tập** * **Bổ sung bài vở đầy đủ( bài tập, bài soạn và bài gjhi)** |  | **3. Bài tập**  a. ) Nếu em là Thuỷ em sẽ giúp Trung ghi lại bài, thăm hỏi, động viên bạn.  b) Em không tán đồng việc làm của Tuấn vì như vậy là không giúp đỡ bạn mà là làm hại bạn.  c) Hai bạn góp sức cùng làm bài là không được. Giờ kiểm tra phải tự làm bài. |

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÍ 7-TUẦN 7**

**ÔN TẬP**

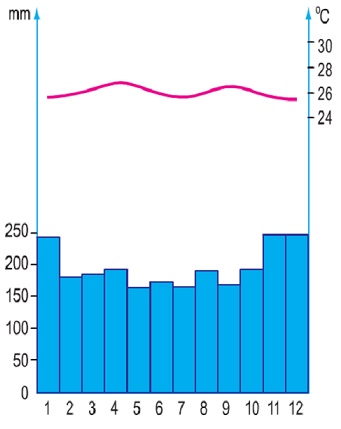
**Câu 1: Dựa vào lược đồ phân bố dân cư thế giới hãy trình bày và giải thích sự phân bố dân cư trên thế giới**

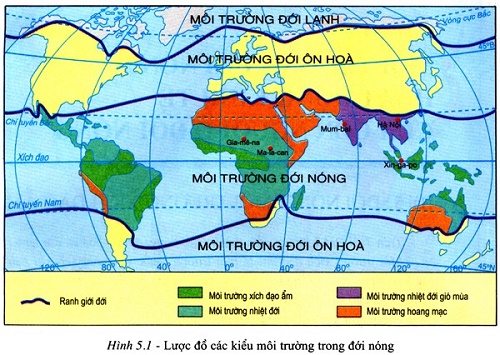


* Dân cư thế giới phân bố ……………..
* Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông ………….. như :đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu………., mưa nắng thuận hòa đều có dân cư tập trung ………………..
* Các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông …………., vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc,..khí hậu………………. có dân cư ………………….

**Câu 2: So sánh sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị. Cho ví dụ về sự khác biệt về lối sống ở 2 loại quần cư này.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các yếu tố | Quần cư nông thôn | Quần cư thành thị |
| Cách thức tổ chức cư trú |  |  |
| Mật độ dân số |  |  |
| Hoạt động kinh tế |  |  |

**Câu 3: Dựa vào hình 5.1 và dưới đây hãy trình bày vị trí và đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm**

****

Vị trí : Nằm trong khoảng từ ………………………………

- Đặc điểm :

+ Nhiệt độ ………..,nóng .………… (trên 250C ) , biên độ nhiệt……….. 30 C.

+ Mưa ………… , quanh năm (từ 1500-2500mm)

+ Độ ẩm ……….. trên 80 %

**Câu 4 : Dựa vào hình 5.1 Trình bày vị trí và đặc điểm về khí hậu môi trường nhiệt đới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Description: hinh 6** | **Description: hinh 6** |

**1. Vị trí – khí hậu**

\* Vị trí: Khoảng ………… đến …………… ở cả hai bán cầu.

**\*** Đặc điểm khí hậu:

- Về nhiệt độ:

+ ………. quanh năm, nhiệt độ trung bình các tháng đều trên ……………..

+ Càng về gần hai chí tuyến, …………………… trong năm càng lớn.

+ Có ………….. nhiệt độ tăng cao lúc Mặt Trời đi qua thiên đỉnh.

- Về lượng mưa:

+ Lượng mưa trung bình năm ………….. dần từ XĐ về phía 2 chí tuyến.

+ Có ………. mùa rõ rệt: mùa ………… và mùa …………….

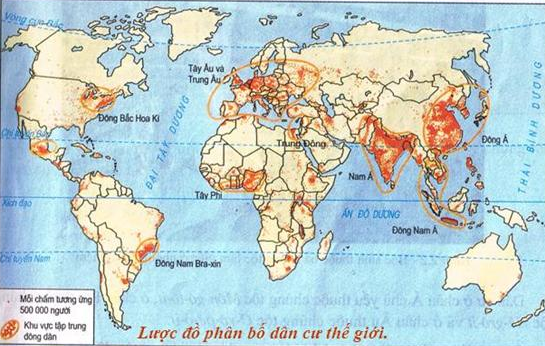
+ Lượng mưa tập trung vào mùa ……….. *(từ 500 mm đến 1500mm)*, càng về phía 2 chí tuyến thời kì ………………. càng kéo dài.

**Câu 4 : Sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường?**

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÍ 7-TUẦN 7**

**ÔN TẬP**

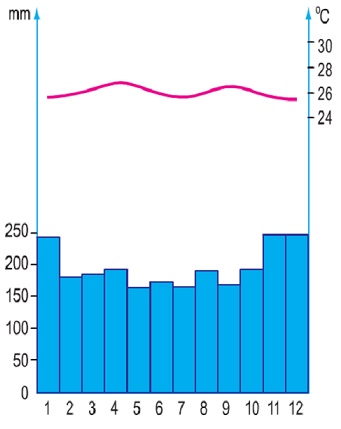
**Câu 1: Dựa vào lược đồ phân bố dân cư thế giới hãy trình bày và giải thích sự phân bố dân cư trên thế giới**

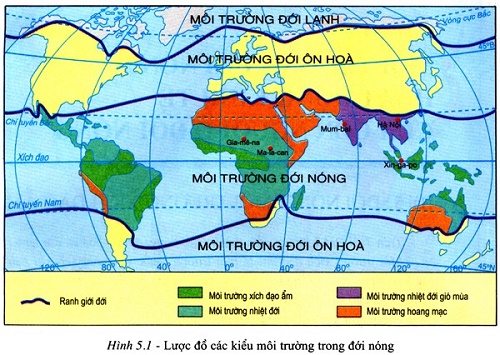


* Dân cư thế giới phân bố ……………..
* Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông ………….. như :đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu………., mưa nắng thuận hòa đều có dân cư tập trung ………………..
* Các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông …………., vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc,..khí hậu………………. có dân cư ………………….

**Câu 2: So sánh sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị. Cho ví dụ về sự khác biệt về lối sống ở 2 loại quần cư này.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các yếu tố | Quần cư nông thôn | Quần cư thành thị |
| Cách thức tổ chức cư trú |  |  |
| Mật độ dân số |  |  |
| Hoạt động kinh tế |  |  |

**Câu 3: Dựa vào hình 5.1 và dưới đây hãy trình bày vị trí và đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm**

****

Vị trí : Nằm trong khoảng từ ………………………………

- Đặc điểm :

+ Nhiệt độ ………..,nóng .………… (trên 250C ) , biên độ nhiệt……….. 30 C.

+ Mưa ………… , quanh năm (từ 1500-2500mm)

+ Độ ẩm ……….. trên 80 %

**Câu 4 : Dựa vào hình 5.1 Trình bày vị trí và đặc điểm về khí hậu môi trường nhiệt đới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Description: hinh 6** | **Description: hinh 6** |

**1. Vị trí – khí hậu**

\* Vị trí: Khoảng ………… đến …………… ở cả hai bán cầu.

**\*** Đặc điểm khí hậu:

- Về nhiệt độ:

+ ………. quanh năm, nhiệt độ trung bình các tháng đều trên ……………..

+ Càng về gần hai chí tuyến, …………………… trong năm càng lớn.

+ Có ………….. nhiệt độ tăng cao lúc Mặt Trời đi qua thiên đỉnh.

- Về lượng mưa:

+ Lượng mưa trung bình năm ………….. dần từ XĐ về phía 2 chí tuyến.

+ Có ………. mùa rõ rệt: mùa ………… và mùa …………….

+ Lượng mưa tập trung vào mùa ……….. *(từ 500 mm đến 1500mm)*, càng về phía 2 chí tuyến thời kì ………………. càng kéo dài.

**Câu 4 : Sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường?**

**Công nghệ 7**

**TIẾT 7: CÁCH SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN CÁC LOẠI PHÂN**

**BÓN THÔNG THƯỜNG**

|  |
| --- |
| **I.Cách sử dụng các loại phân bón thông thường.**  - Phân hữu cơ thường dùng để bón lót.  - Phân đạm, kali, hỗn hợp, thương dùng để bón thúc, nếu bón lót thì chỉ bón lượng nhỏ  - Phân lân thường dùng để bón lót  **II.Bảo quản các loại phân bón thông thường**  + Đối với phân hóa học: Đựng trong chum vại đậy kín hoặc gói trong bao nilong, đế nơi cao ráo thoáng mát, không để lẫn lộn các loại phân bón với nhau  + Đối với phân chuồng có thể bảo quản tại chuồng nuôi hoặc lấy ra ủ thành đống dùng bùn ao trát kín bên ngoài |